

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, HỆ CHÍNH QUY, ĐỢT 1 NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số **909** /QĐ-ĐHYKV ngày 16/09/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHYK Vinh)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
I. NGÀNH Y KHOA (455 thí sinh)																			
1	29020394	ĐẶNG THỊ HOÀI AN	17/01/2004	Nữ	040304020313	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.85	0.50	25.35
2	32006982	HOÀNG LÊ BÌNH AN	08/11/2004	Nữ	045304000636	2NT		Quảng Trị	TO	7.60	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.35	0.50	24.85
3	29008276	NGUYỄN HOÀNG AN	27/11/2004	Nam	040204023100	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.75	100	B00	25.00	0.50	25.50
4	30000012	TRẦN LÊ HÀ AN	19/12/2004	Nữ	042304005426	2		Hà Tĩnh	TO	8.80	HO	7.50	SI	8.25	100	B00	24.55	0.25	24.80
5	30001670	DƯƠNG THỊ MINH ANH	22/08/2004	Nữ	042304002475	1		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.40	0.75	26.15
6	30008801	DƯƠNG VĂN ĐỨC ANH	19/02/2003	Nam	042203003396	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.85	0.50	25.35
7	29018777	ĐẶNG LÊ THẾ ANH	25/01/2004	Nam	040204011943	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.50	0.50	26.00
8	29020410	ĐẶNG THỊ VÂN ANH	30/03/2003	Nữ	040303011270	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.50	0.50	25.00
9	24006873	ĐINH HOÀNG ANH	06/08/2003	Nam	035203000261	2NT		Hà Nam	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.65	0.50	25.15
10	25014612	ĐINH TUẤN ANH	23/06/2004	Nam	036204008853	2NT		Nam Định	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.10	0.50	25.60
11	21008011	HOÀNG TUẤN ANH	09/09/2004	Nam	030204012182	2NT		Hải Dương	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.75	0.50	25.25
12	29008292	LÊ THỊ QUỲNH ANH	28/05/2004	Nữ	040304013880	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.95	0.50	25.45
13	29000019	LÊ THỊ THẢO ANH	05/03/2004	Nữ	040304004559	2		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	9.00	100	B00	25.85	0.25	26.10
14	29004208	LỖ THỊ QUỲNH ANH	28/12/2004	Nữ	040304029527	1	01	Nghệ An	TO	7.60	HO	7.50	SI	8.00	100	B00	23.10	2.75	25.85
15	30012649	MAI NHO ANH	16/04/2004	Nam	042204003152	2NT		Hà Tĩnh	TO	9.00	HO	7.50	SI	9.25	100	B00	25.75	0.50	26.25
16	29028246	NGUYỄN HẢI ANH	24/01/2004	Nữ	040304025930	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.60	0.50	26.10
17	01000194	NGUYỄN HẢI VÂN ANH	10/02/2004	Nữ	001304002238	3		Hà Nội	TO	8.80	HO	7.75	SI	8.75	100	B00	25.30	0.00	25.30
18	30017047	NGUYỄN HOÀNG ANH	08/12/2004	Nam	042204001932	1		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.95	0.75	25.70
19	29010962	NGUYỄN HỒ VIỆT ANH	15/03/2004	Nam	040204015728	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.25	0.50	24.75
20	21011253	NGUYỄN HUYỀN ANH	06/09/2004	Nữ	030304006309	2		Hải Dương	TO	8.80	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	25.05	0.25	25.30
21	02052059	NGUYỄN KHẮC ĐIẾP ANH	30/10/2003	Nam	188031057	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.90	0.25	25.15
22	01021869	NGUYỄN NGỌC HUY ANH	10/01/2004	Nam	001204022668	3		Hà Nội	TO	9.00	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	25.00	0.00	25.00
23	15010443	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	14/11/2004	Nữ	025304011711	1		Phú Thọ	TO	8.60	HO	7.25	SI	8.75	100	B00	24.60	0.75	25.35
24	15002964	NGUYỄN VIỆT KIỀU ANH	26/07/2003	Nữ	132470096	2		Phú Thọ	TO	7.40	HO	9.25	SI	8.00	100	B00	24.65	0.25	24.90
25	28006357	NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH	27/05/2004	Nữ	038304008539	1		Thanh Hoá	TO	7.20	HO	8.50	SI	8.75	100	B00	24.45	0.75	25.20
26	28016612	PHẠM ĐỨC ANH	23/05/2004	Nam	038204011664	2NT		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.60	0.50	25.10
27	26010515	PHẠM HẢI ANH	10/04/2004	Nữ	034304006665	2NT		Thái Bình	TO	8.40	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.40	0.50	24.90

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
28	27003313	PHẠM MAI ANH	22/03/2004	Nữ	037304000740	2		Ninh Bình	TO	9.00	HO	7.75	SI	8.25	100	B00	25.00	0.25	25.25
29	26009243	PHẠM THỊ NGỌC ANH	08/10/2003	Nữ	034303001466	2NT		Thái Bình	TO	7.60	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	24.60	0.50	25.10
30	01057290	PHÙNG LAN ANH	26/06/2004	Nữ	001304045759	2		Hà Nội	TO	8.80	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.80	0.25	25.05
31	28004143	TỔNG DUYỄN ANH	24/01/2003	Nữ	038303011086	2		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.25	25.35
32	28000084	TRẦN ĐỨC ANH	18/06/2004	Nam	038204000183	2		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.90	0.25	25.15
33	29008318	TRẦN THỊ THÚY ANH	29/04/2004	Nữ	040304014543	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	7.75	SI	8.50	100	B00	24.45	0.50	24.95
34	28020290	NGÔ LAN ÁNH	28/04/2004	Nữ	038304011188	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.45	0.50	24.95
35	29031352	NGUYỄN NGỌC ÁNH	22/12/2004	Nữ	040304009079	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.30	0.50	24.80
36	48001601	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	03/03/2003	Nữ	075303009690	2		Đồng Nai	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.70	0.25	24.95
37	29025477	PHAN THỊ ÁNH	08/10/2003	Nữ	040303013101	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	9.25	SI	8.25	100	B00	25.50	0.75	26.25
38	25013510	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	09/08/2004	Nữ	036304016562	2NT		Nam Định	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.45	0.50	24.95
39	29016392	PHAN VĂN ÂU	04/05/2003	Nam	040203019990	1		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.55	0.75	25.30
40	29020438	CAO VIỆT BÁCH	25/03/2003	Nam	040203017130	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.50	25.25
41	29027218	NGÔ TRÍ BẢO	21/01/2004	Nam	040204019927	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	24.55	0.50	25.05
42	25005299	NGUYỄN QUỐC BẢO	26/01/2004	Nam	036204015534	2NT		Nam Định	TO	7.80	HO	8.25	SI	9.00	100	B00	25.05	0.50	25.55
43	16002878	TRẦN THÁI BẢO	06/06/2004	Nam	026204001134	2NT		Vĩnh Phúc	TO	7.40	HO	8.25	SI	9.00	100	B00	24.65	0.50	25.15
44	38006742	TRẦN THẾ BẢO	07/09/2004	Nam	064204005299	1		Gia Lai	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.00	0.75	24.75
45	16013187	TRƯƠNG VĂN BẢO	05/01/2004	Nam	026204008693	1		Vĩnh Phúc	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.00	0.75	24.75
46	32000083	LÊ HẢI BẢNG	15/02/2003	Nam	045203001472	2NT		Quảng Trị	TO	8.80	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.80	0.50	25.30
47	29013242	HOÀNG THÁI BÌNH	29/09/2004	Nam	040204005891	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.55	0.75	25.30
48	29027229	NGUYỄN THỊ BÌNH	01/11/2003	Nữ	040303001948	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.60	0.50	25.10
49	01054690	SÙNG THỊ CÀI	17/09/2004	Nữ	012304005865	1	01	Lai Châu	TO	7.00	HO	8.50	SI	7.00	100	B00	22.50	2.75	25.25
50	61008212	NGUYỄN NHẬT CẨM	24/07/2004	Nam	096204003446	1		Cà Mau	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	24.00	0.75	24.75
51	25018106	LÂM THÀNH CÔNG	22/03/2004	Nam	036204016340	2NT		Nam Định	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.90	0.50	25.40
52	25016643	MAI VĂN CÔNG	21/03/2002	Nam	036202013915	2NT		Nam Định	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.30	0.50	24.80
53	24001066	ĐÀM QUỐC CƯỜNG	10/10/2004	Nam	040204027576	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.50	0.25	24.75
54	30005427	PHẠM PHÚ CƯỜNG	04/08/2004	Nam	042204001454	2		Hà Tĩnh	TO	9.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.90	0.25	26.15
55	30001321	PHẠM QUỐC CƯỜNG	06/09/2003	Nam	042203010887	2		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	8.25	SI	9.25	500	B00	25.30	0.25	25.55
56	29009116	ĐÀO THỊ CHÂU	28/02/2004	Nữ	040304004830	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.40	0.50	24.90
57	35007268	TRƯƠNG THỊ HỒNG CHÂU	05/03/2004	Nữ	051304007273	2NT		Quảng Ngãi	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	24.50	0.50	25.00
58	29009117	LÊ THỊ CHI	11/10/2004	Nữ	040304029679	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.45	0.50	24.95
59	29030672	NGUYỄN THỊ TÙNG CHI	08/09/2004	Nữ	040304014362	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.05	0.75	24.80
60	29032521	VŨ NGỌC LINH CHI	23/02/2004	Nữ	040304020656	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.50	25.20
61	16004541	LƯU QUANG CHÍ	08/05/2003	Nam	026203007285	2NT		Vĩnh Phúc	TO	8.80	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	24.80	0.50	25.30
62	29025496	BÙI VĂN CHIẾN	12/03/2003	Nam	040203020787	1		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	24.40	0.75	25.15

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
63	15000063	ĐÀO VĂN CHIẾN	13/04/2004	Nam	025204002507	2		Phú Thọ	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.60	0.25	24.85
64	01035011	PHẠM THỊ LAN CHINH	03/09/2004	Nữ	001304016824	2		Hà Nội	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.65	0.25	24.90
65	30008187	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	05/12/2004	Nữ	042304002846	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.40	0.50	25.90
66	29009852	CHU THỊ THÙY DUNG	05/12/2003	Nữ	040303025688	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	9.00	SI	7.75	100	B00	25.15	0.50	25.65
67	30003015	ĐƯƠNG THỊ THẢO DUNG	22/08/2004	Nữ	184472429	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	7.75	SI	8.50	100	B00	24.65	0.50	25.15
68	29031387	ĐẶNG THỊ THÙY DUNG	10/04/2004	Nữ	040304012173	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.40	0.50	24.90
69	29019767	NGUYỄN THỊ DUNG	10/01/2004	Nữ	040304025250	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.70	0.50	25.20
70	29030318	NGUYỄN THÙY DUNG	15/01/2004	Nữ	040304003211	1		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.40	0.75	26.15
71	62004294	BÙI ĐỨC DŨNG	29/10/2004	Nam	011204000081	1		Điện Biên	TO	8.60	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.35	0.75	25.10
72	40018652	NGÔ QUỐC TUẤN DŨNG	12/11/2004	Nam	066204002103	1		Đắk Lắk	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.35	0.75	25.10
73	28032202	NGUYỄN NGỌC DŨNG	22/01/2004	Nam	038204025103	2NT		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.35	0.50	24.85
74	28023487	NGUYỄN NGỌC DŨNG	09/04/2004	Nam	038204031894	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.75	100	B00	25.20	0.50	25.70
75	03006259	VŨ KHOA VIỆT DŨNG	17/01/2004	Nam	031204001650	3		Hải Phòng	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	25.35	0.00	25.35
76	07001217	CHANG A DUY	29/06/2004	Nam	012204006913	1	01	Lai Châu	TO	7.00	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	22.50	2.75	25.25
77	26004177	NGUYỄN TIỀN DUY	09/01/2004	Nam	034204010357	2NT	06	Thái Bình	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	23.75	1.50	25.25
78	28022700	NGUYỄN VĂN DUY	03/10/2004	Nam	038204002167	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	9.25	SI	7.25	100	B00	24.50	0.50	25.00
79	25005357	ĐINH THU DUYÊN	01/11/2004	Nữ	036304014439	2NT	06	Nam Định	TO	7.40	HO	9.25	SI	7.25	100	B00	23.90	1.50	25.40
80	29004557	LÔ NHẬT MINH DUYÊN	11/11/2003	Nữ	040303015121	1	01	Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	6.75	100	B00	22.95	2.75	25.70
81	29035803	MAI THỊ DUYÊN	06/01/2004	Nữ	040304014205	2		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	25.55	0.25	25.80
82	30014744	PHAN THỊ MỸ DUYÊN	16/05/2004	Nữ	042304006988	1		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.75	25.50
83	29016894	LÊ THỦY DƯƠNG	10/01/2004	Nữ	040304011341	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.90	0.50	25.40
84	08000069	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	28/06/2004	Nữ	063620024	1		Lào Cai	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.65	0.75	25.40
85	25013591	VŨ THỊ THUỶ DƯƠNG	14/01/2004	Nữ	036304015196	2NT		Nam Định	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.60	0.50	25.10
86	29009873	NGUYỄN THỊ THANH ĐÀM	18/03/2003	Nữ	040303014443	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.25	0.50	24.75
87	26018429	ĐỖ ĐỨC ĐẠT	11/04/2004	Nam	034204006647	2NT		Thái Bình	TO	8.00	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	24.25	0.50	24.75
88	32002154	HỒ TẮT ĐẠT	04/08/2003	Nam	045203000417	2		Quảng Trị	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	24.80	0.25	25.05
89	30014754	LÊ TIẾN ĐẠT	13/11/2004	Nam	042204013339	1		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.15	0.75	24.90
90	01084438	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	29/09/2004	Nam	001204041354	2		Hà Nội	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.25	25.35
91	02041872	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	16/12/2004	Nam	251324386	3		Lâm Đồng	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.75	0.00	24.75
92	28019738	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	11/01/2004	Nam	038204013131	2NT		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	9.25	SI	7.50	100	B00	25.35	0.50	25.85
93	61004697	NHÂM THÀNH ĐẠT	25/01/2004	Nam	030204007382	2NT		Cà Mau	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.25	0.50	24.75
94	29032557	TRẦN VĂN ĐẠT	11/10/2004	Nam	040204010732	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.00	SI	9.00	100	B00	24.80	0.50	25.30
95	27008074	MAI PHAN MINH ĐIỆP	22/03/2004	Nữ	037304004884	1		Ninh Bình	TO	7.80	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.55	0.75	25.30
96	29009195	NGUYỄN ĐỨC ĐỊNH	08/01/2004	Nam	040204020071	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.50	0.50	26.00
97	21006007	ĐOÀN HỮU ĐỨC	28/09/2004	Nam	030204004324	2NT		Hải Dương	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.50	25.20

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
98	29009888	LÊ VĂN ĐỨC	23/07/2004	Nam	040204027076	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	25.35	0.50	25.85
99	28001760	NGUYỄN MINH ĐỨC	17/12/2004	Nam	038204033143	2		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	9.50	SI	6.75	100	B00	24.65	0.25	24.90
100	29004567	NGUYỄN PHÚC ĐỨC	21/01/2003	Nam	040203003366	2		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	25.25	0.25	25.50
101	01076825	PHẠM NGỌC ANH ĐỨC	22/01/2003	Nam	001203012970	2		Hà Nội	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.25	500	B00	25.15	0.25	25.40
102	29034923	PHAN VĂN ĐỨC	08/07/2003	Nam	040203025268	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	24.20	0.75	24.95
103	28003790	ĐOÀN VĂN ĐƯƠNG	21/08/2004	Nam	038204014343	2		Thanh Hoá	TO	9.00	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	25.00	0.25	25.25
104	30017117	NGUYỄN MAI GIANG	26/01/2004	Nữ	042304000251	1		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.95	0.75	25.70
105	29018124	TRẦN THỊ GIANG	06/08/2004	Nữ	040304018114	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	25.55	0.50	26.05
106	31007346	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	08/06/2004	Nữ	044304000836	2		Quảng Bình	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.75	0.25	25.00
107	29020541	TRẦN VĂN GIANG	26/05/2003	Nam	040203014415	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.50	SI	7.00	100	B00	24.50	0.50	25.00
108	29002985	NGUYỄN VĂN GIÁP	03/01/2004	Nam	040204025034	2		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	8.75	100	B00	24.80	0.25	25.05
109	34012878	ĐỖ NGUYỆT HÀ	27/11/2004	Nữ	048304007254	2NT		Quảng Nam	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.50	0.50	25.00
110	01086945	HOÀNG VIỆT HÀ	23/07/2004	Nam	001204016405	2		Hà Nội	TO	8.40	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.90	0.25	25.15
111	01086659	PHẠM THỊ THU HÀ	04/07/2002	Nữ	001302036621	2		Hà Nội	TO	8.80	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	25.30	0.25	25.55
112	30009624	PHAN THỊ HÀ	20/03/2004	Nữ	042304009227	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	9.00	SI	6.75	100	B00	24.35	0.50	24.85
113	17001406	BÙI ĐỨC HẢI	28/04/2004	Nam	034204011981	2NT		Quảng Ninh	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.30	0.50	24.80
114	12000214	ĐỖ NAM HẢI	14/02/2004	Nam	019204010437	2		Thái Nguyên	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.25	25.00
115	22007337	ĐỖ VĂN HẢI	21/01/2003	Nam	033203008755	2NT		Hưng Yên	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.75	0.50	25.25
116	32004614	NGUYỄN MINH TÂN HẢI	21/12/2004	Nam	045204001122	1		Quảng Trị	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.75	25.45
117	02014765	NGUYỄN TÂN HẢI	18/12/2004	Nam	079204019802	3		Tp. Hồ Chí Minh	TO	8.60	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	25.10	0.00	25.10
118	29026079	NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	24/04/2004	Nữ	040304016639	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.25	0.75	25.00
119	01079773	TRỊNH HỮU HẢI	01/01/2001	Nam	001201025794	2		Hà Nội	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.60	0.25	24.85
120	30013974	NGUYỄN ĐỨC HÀN	02/03/2003	Nam	042203000932	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.90	0.50	25.40
121	27007308	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG HẠNH	02/09/2004	Nữ	037304003981	2NT		Ninh Bình	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	24.80	0.50	25.30
122	48006584	BÙI NHƯ HẢO	20/03/2004	Nam	075304013011	1		Đồng Nai	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.45	0.75	25.20
123	18001209	GIÁP THỊ THU HẰNG	09/11/2004	Nữ	024304005619	1		Bắc Giang	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.75	0.75	25.50
124	28033581	NGUYỄN PHƯƠNG HẰNG	01/05/2004	Nữ	038304025954	2		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.75	100	B00	25.65	0.25	25.90
125	30004791	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	02/09/2004	Nữ	042304001513	2		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.85	0.25	25.10
126	29027360	TRẦN THỊ THÚY HẰNG	22/09/2003	Nữ	187915473	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.50	500	B00	24.70	0.50	25.20
127	53009655	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	18/06/2004	Nữ	082304014688	2NT		Tp. Hồ Chí Minh	TO	8.40	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.65	0.50	25.15
128	25006059	VŨ NGỌC HÂN	12/04/2004	Nam	036204017788	2NT		Nam Định	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.65	0.50	25.15
129	18018795	NGUYỄN ĐỨC HẬU	07/02/2004	Nam	024204004282	2		Bắc Giang	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.75	100	B00	25.05	0.25	25.30
130	29009939	HỒ VINH HỆ	11/12/2003	Nam	040203019677	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.85	0.50	25.35
131	29024546	ĐẶNG THỊ HIỀN	10/08/2004	Nữ	040304028605	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.90	0.50	25.40
132	17002026	HÀ VĂN HIỀN	13/08/2004	Nam	022204004620	2NT		Quảng Ninh	TO	8.40	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.40	0.50	24.90

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
133	25018879	PHẠM THỊ THU HIỀN	05/01/2004	Nữ	036304008520	2NT		Nam Định	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.95	0.50	25.45
134	03008417	TRẦN MINH HIỆP	29/12/2003	Nam	031203007988	3		Hải Phòng	TO	8.80	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.80	0.00	24.80
135	01052076	ĐỖ HỮU HIẾU	16/02/2004	Nam	001204001561	3		Hà Nội	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.50	100	B00	25.45	0.00	25.45
136	29021919	HỒ SỸ HIẾU	27/06/2004	Nam	040204026036	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	9.25	SI	8.00	100	B00	25.45	0.75	26.20
137	13006365	MAI TRUNG HIẾU	02/11/2004	Nam	015204000884	1		Yên Bái	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.20	0.75	24.95
138	30008934	PHẠM GIA HIẾU	14/03/2003	Nam	042203004459	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.25	500	B00	24.90	0.50	25.40
139	29027387	TRẦN TRUNG HIẾU	20/05/2003	Nam	040203003909	1		Nghệ An	TO	8.40	HO	9.00	SI	8.25	100	B00	25.65	0.75	26.40
140	29015929	VƯƠNG THỊ HIẾU	17/12/2004	Nữ	040304007555	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	9.25	SI	8.00	100	B00	25.85	0.75	26.60
141	29015933	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	26/07/2004	Nữ	040304017301	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.20	0.75	24.95
142	28032892	HOÀNG ĐÌNH HÒA	23/07/2003	Nam	038203015837	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.75	100	B00	24.75	0.50	25.25
143	29034032	LỮ VĂN HOẠCH	07/11/2004	Nam	040204023683	1	01	Nghệ An	TO	6.80	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	22.30	2.75	25.05
144	28031340	LƯU THỊ HOÀI	27/03/2004	Nữ	038304008286	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.25	0.50	24.75
145	29024579	NGUYỄN THỊ HOÀI	02/01/2004	Nữ	040304010608	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.70	0.50	25.20
146	01038763	NGÔ LÊ HOÀN	09/02/2004	Nam	001204019682	2		Hà Nội	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.60	0.25	24.85
147	29025590	NGUYỄN THỊ HOÀN	24/01/2004	Nữ	040304013845	1		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.80	0.75	25.55
148	29019915	BÙI VĂN HUY HOÀNG	11/04/2004	Nam	040204025573	2NT	06	Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.20	1.50	25.70
149	10006771	DƯƠNG VIỆT HOÀNG	07/12/2004	Nam	020204001052	1	01	Lạng Sơn	TO	7.60	HO	6.75	SI	8.25	100	B00	22.60	2.75	25.35
150	32002541	NGUYỄN BÁ HOÀNG	16/08/2004	Nam	045204001600	2		Quảng Trị	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	25.15	0.25	25.40
151	37015063	NGUYỄN MINH HOÀNG	14/11/2004	Nam	052204013811	2		Bình Định	TO	8.60	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	24.85	0.25	25.10
152	28031346	NGUYỄN VĂN HOÀNG	06/01/2004	Nam	038204024165	2NT		Thanh Hoá	TO	8.80	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	24.30	0.50	24.80
153	14001296	TRẦN HUY HOÀNG	27/09/2004	Nam	014204002512	1		Sơn La	TO	8.40	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	24.15	0.75	24.90
154	28021942	HOÀNG QUỐC HỘI	03/02/2004	Nam	038204012680	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	24.70	0.50	25.20
155	18011356	LA THỊ THÚY HỒNG	01/09/2004	Nữ	024304000284	1		Bắc Giang	TO	7.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.10	0.75	24.85
156	40007875	TRẦN THỊ HỒNG	15/04/2004	Nữ	000241981963	1		Đắk Lắk	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.50	0.75	25.25
157	18014956	ĐOÀN VĂN HỢP	03/08/2004	Nam	024204001638	2NT		Bắc Giang	TO	8.00	HO	9.25	SI	7.75	100	B00	25.00	0.50	25.50
158	29004601	HOÀNG THỊ HUỆ	28/05/2004	Nữ	040304004544	1	01	Nghệ An	TO	8.60	HO	7.75	SI	6.00	100	B00	22.35	2.75	25.10
159	14009495	LÒ THỊ PHÚC HUỆ	02/02/2004	Nữ	014304010039	1	01	Sơn La	TO	7.00	HO	8.25	SI	7.00	100	B00	22.25	2.75	25.00
160	29033318	NGUYỄN THỊ HUỆ	06/03/2003	Nữ	188053225	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.00	SI	8.00	500	B00	25.00	0.50	25.50
161	28000291	LÊ VĂN VŨ HÙNG	18/09/2004	Nam	038204008751	2		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.25	25.35
162	32002572	NGUYỄN CỬU HUY HÙNG	10/06/2004	Nam	044204003345	2		Quảng Trị	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	24.80	0.25	25.05
163	30016402	TRẦN MẠNH HÙNG	03/01/2004	Nam	042204007745	1		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.05	0.75	24.80
164	03008730	VŨ BÁ HÙNG	01/05/2004	Nam	031204006314	3		Hải Phòng	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.75	100	B00	25.00	0.00	25.00
165	17014972	ĐOÀN ANH HUY	03/12/2004	Nam	022204004468	2		Quảng Ninh	TO	8.00	HO	8.75	SI	8.50	100	B00	25.25	0.25	25.50
166	03015263	PHẠM HOÀNG HUY	30/12/2004	Nam	031204006998	2		Hải Phòng	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	25.15	0.25	25.40
167	29019122	TRẦN THÀNH HUYỀN	28/10/2004	Nam	040204005751	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	9.25	SI	7.50	100	B00	24.95	0.50	25.45

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
168	14002270	HOÀNG THỊ HUYỀN	23/05/2004	Nữ	014304008396	1	01	Sơn La	TO	7.60	HO	7.50	SI	7.25	100	B00	22.35	2.75	25.10
169	38001428	LÊ THỊ THANH HUYỀN	23/05/2004	Nữ	040304019153	1		Gia Lai	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.00	0.75	24.75
170	29035937	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	23/08/2004	Nữ	040304023986	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.75	0.25	25.00
171	29028015	TRẦN THỊ HUYỀN	05/06/2004	Nữ	040304020476	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	25.05	0.50	25.55
172	17002356	HOÀNG VIỆT HUNG	31/01/2003	Nam	022203004217	1	01	Quảng Ninh	TO	8.00	HO	7.75	SI	6.50	100	B00	22.25	2.75	25.00
173	29027447	LÊ TIẾN HUNG	19/12/2004	Nam	040204010172	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	24.35	0.50	24.85
174	29004322	NGUYỄN BÙI VIỆT HUNG	20/01/2003	Nam	187897091	2		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	25.10	0.25	25.35
175	35009288	VÕ XUÂN HƯƠNG	03/01/2004	Nữ	051304007049	1		Quảng Ngãi	TO	8.40	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.40	0.75	25.15
176	13000144	HOÀNG TRUNG KIÊN	06/10/2004	Nam	035204009487	1		Thái Nguyên	TO	8.20	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	24.70	0.75	25.45
177	28017943	LÊ NGỌC KIÊN	11/02/2004	Nam	038204009647	1		Thanh Hoá	TO	8.80	HO	8.25	SI	7.00	100	B00	24.05	0.75	24.80
178	24003293	PHẠM TRUNG KIÊN	31/08/2004	Nam	035204002686	2NT		Hà Nam	TO	8.00	HO	9.00	SI	7.75	100	B00	24.75	0.50	25.25
179	37015988	TRẦN TUẤN KIẾT	16/10/2004	Nam	052204008106	2		Bình Định	TO	7.60	HO	8.50	SI	8.75	100	B00	24.85	0.25	25.10
180	34015306	CAO ĐỖ HOÀNG KỶ	07/04/2004	Nam	049204003484	1		Quảng Nam	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.60	0.75	25.35
181	13001984	NGÔ VĂN KHA	31/07/2004	Nam	015204008498	1		Yên Bái	TO	8.20	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.45	0.75	25.20
182	29004325	LÊ VĂN KHẢI	19/03/1999	Nam	135906641	2NT		Vĩnh Phúc	TO	8.80	HO	7.50	SI	8.25	100	B00	24.55	0.50	25.05
183	26002795	NGUYỄN VĂN KHẢI	01/09/2003	Nam	034203008925	2NT		Thái Bình	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.50	25.60
184	24003286	TRẦN ĐỨC KHẢI	06/08/2004	Nam	035204002162	2NT		Hà Nam	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.50	25.25
185	30016433	LÊ HỮU KHANG	19/05/2004	Nam	042204000321	1		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.65	0.75	25.40
186	29022346	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG KHANG	30/10/2004	Nam	040204004346	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.20	0.75	25.95
187	43009026	PHAN QUỐC KHÁNH	02/09/2004	Nam	070204010126	1		Bình Phước	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.25	100	B00	24.05	0.75	24.80
188	14001336	TRẦN NGUYỄN NAM KHÁNH	03/09/2004	Nam	014204004496	1		Sơn La	TO	7.40	HO	8.00	SI	9.00	100	B00	24.40	0.75	25.15
189	19009648	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	22/08/2004	Nam	27204007990	2NT		Bắc Ninh	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.25	0.50	24.75
190	27004626	HOÀNG NGỌC LAN	11/08/2004	Nữ	037304003536	2		Ninh Bình	TO	9.00	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	24.50	0.25	24.75
191	21001673	NGUYỄN PHƯƠNG LAN	17/09/2004	Nữ	030304003815	2NT		Hải Dương	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	24.65	0.50	25.15
192	25016891	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	14/08/2004	Nữ	036304009547	2NT		Nam Định	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.60	0.50	25.10
193	29008606	TRƯƠNG THỊ NGỌC LAN	27/01/2004	Nữ	040304012208	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	9.25	SI	7.00	100	B00	24.85	0.50	25.35
194	28017545	NGUYỄN SƠN LÂM	16/10/2004	Nam	038204007183	2NT		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	9.25	SI	7.50	100	B00	25.15	0.50	25.65
195	21007101	NGUYỄN TÙNG LÂM	21/11/2004	Nam	030204006838	2NT		Hải Dương	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.50	25.20
196	30005573	NGUYỄN THỊ MAI LÊ	31/03/2004	Nữ	042304001576	2		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.60	0.25	24.85
197	29031537	VÕ THỊ KIM LIÊN	16/09/2004	Nữ	040304024122	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.95	0.50	25.45
198	21016200	DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	21/08/2004	Nữ	030304009957	2		Hải Dương	TO	8.60	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	24.60	0.25	24.85
199	30007189	ĐẶNG THỊ NHẬT LINH	06/09/2004	Nữ	042304007610	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.95	0.50	25.45
200	25019582	NGÔ THỊ PHƯƠNG LINH	06/11/2004	Nữ	036304009760	2NT		Nam Định	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	24.65	0.50	25.15
201	29006827	NGUYỄN THỊ BẢO LINH	02/03/2004	Nữ	040304004608	1	04	Nghệ An	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.25	100	B00	23.05	2.75	25.80
202	28033737	NGUYỄN THỊ MAI LINH	29/11/2004	Nữ	038304025430	2		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.20	0.25	25.45

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
203	29023389	TRẦN CẨM LINH	19/08/2004	Nữ	040304005122	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	9.25	SI	8.25	100	B00	26.50	0.50	27.00
204	25011401	TRẦN KHÁNH LINH	06/08/2003	Nữ	036303014562	2NT		Nam Định	TO	8.40	HO	7.50	SI	8.50	100	B00	24.40	0.50	24.90
205	30011619	TRẦN THỊ THỦY LINH	09/05/2004	Nữ	042304000812	2		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.90	0.25	25.15
206	29023391	TRẦN THỦY LINH	19/08/2004	Nữ	040304005123	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	9.50	SI	8.50	100	B00	27.00	0.50	27.50
207	30016486	VÕ NGỌC LINH	24/04/2004	Nam	042204008085	1		Hà Tĩnh	TO	9.00	HO	7.75	SI	7.50	100	B00	24.25	0.75	25.00
208	21003335	ĐÀM BÍCH LOAN	13/07/2004	Nữ	030304004336	2NT		Hải Dương	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.75	0.50	25.25
209	30003232	LÊ TRỊNH THANH LOAN	03/05/2003	Nữ	042303001713	2		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.75	SI	9.00	100	B00	25.75	0.25	26.00
210	26007540	VŨ THỊ THANH LOAN	16/02/2004	Nữ	034304005874	2NT		Thái Bình	TO	8.40	HO	9.25	SI	7.25	100	B00	24.90	0.50	25.40
211	31004206	HOÀNG VŨ LONG	31/08/2004	Nam	044204002633	2NT		Quảng Bình	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.85	0.50	25.35
212	29027500	HỒ ĐÌNH BẢO LONG	10/09/2004	Nam	040204026353	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.60	0.50	26.10
213		PHẠM ĐỨC LONG	26/01/2003	Nam	022203007307	1		Quảng Ninh	TO	9.00	HO	7.75	SI	8.50	500	B00	25.25	0.75	26.00
214	10008590	VŨ THẮNG LỢI	15/06/2003	Nam	020203002637	1	01	Lạng Sơn	TO	7.60	HO	7.50	SI	7.50	100	B00	22.60	2.75	25.35
215	37004105	HỒ SỸ LUÂN	30/03/2004	Nam	052204004046	2NT		Bình Định	TO	8.60	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.35	0.50	24.85
216	29026978	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	30/01/2004	Nam	040204010162	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.50	25.20
217	29036577	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	01/09/2003	Nam	040203010717	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.10	0.50	25.60
218	18002207	BÊ THỊ NHƯ MAI	10/06/2004	Nữ	024304007008	1	01	Bắc Giang	TO	7.40	HO	7.00	SI	7.75	100	B00	22.15	2.75	24.90
219	62003447	HẠNG THỊ KIM MAI	10/10/2004	Nữ	011304002287	1	01	Điện Biên	TO	7.20	HO	7.25	SI	7.75	100	B00	22.20	2.75	24.95
220	33003670	NGÔ HUỖNH NGỌC MAI	21/06/2004	Nữ	046304005112	2		Thừa Thiên -Huế	TO	9.00	HO	8.50	SI	7.00	100	B00	24.50	0.25	24.75
221	29036586	TRẦN THỊ XUÂN MAI	28/09/2003	Nữ	040303024743	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	7.50	SI	8.00	500	B00	24.30	0.50	24.80
222	25011435	TRẦN THỊ XUÂN MAI	10/08/2003	Nữ	036303000931	2NT		Nam Định	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.50	25.20
223	13002888	VƯƠNG NGỌC HIỀN MAI	23/08/2003	Nữ	015303000634	1		Yên Bái	TO	8.00	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.25	0.75	25.00
224	01043728	ĐỖ ĐÌNH MẠNH	03/08/2003	Nam	001203034406	2		Hà Nội	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.95	0.25	25.20
225	27006954	LÊ VĂN MẠNH	07/10/2003	Nam	037203004353	2NT		Ninh Bình	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.55	0.50	25.05
226	29035088	LÊ XUÂN MẠNH	10/10/2004	Nam	040204004862	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.50	0.25	24.75
227	18014467	BÙI BẢO MINH	18/06/2004	Nam	024204001157	2NT		Bắc Giang	TO	9.20	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	24.70	0.50	25.20
228	34010633	BÙI NHẬT MINH	05/02/2004	Nam	049204001537	2		Quảng Nam	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.25	25.35
229	29023420	GIÀN QUANG MINH	05/11/2004	Nam	040204011286	2NT		Nghệ An	TO	9.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	25.95	0.50	26.45
230	36000265	HOÀNG NHẬT MINH	30/11/2004	Nam	062204006192	1		Kon Tum	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	25.20	0.75	25.95
231	01030781	NGUYỄN ANH MINH	23/11/2004	Nam	001204012187	3		Hà Nội	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.75	100	B00	25.70	0.00	25.70
232	29027527	NGUYỄN BẢ MINH	09/03/2003	Nam	040203008629	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.55	0.50	25.05
233	29036051	NGUYỄN NHẬT MINH	02/09/2004	Nam	040204023225	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	25.40	0.25	25.65
234	29000497	NGUYỄN PHÙNG MINH	20/09/2004	Nam	040204002478	2		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	25.05	0.25	25.30
235	01020790	NGUYỄN QUANG MINH	08/12/2004	Nam	001204028359	3		Hà Nội	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	25.35	0.00	25.35
236	30012902	NGUYỄN QUANG MINH	15/10/2004	Nam	042204003186	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.55	0.50	25.05
237	19009768	NGUYỄN TUẤN MINH	06/08/2004	Nam	027204010949	2NT		Bắc Ninh	TO	8.20	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	24.70	0.50	25.20

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
238	30004981	PHAN THÁI THIÊN MINH	05/08/2004	Nam	042204001007	2		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.50	0.25	24.75
239	40016604	TRƯƠNG SỸ MINH	15/05/2004	Nam	066204011742	1		Đắk Lắk	TO	8.60	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	24.10	0.75	24.85
240	28002952	VŨ THỊ MINH	04/10/2004	Nữ	038304020969	2		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	24.50	0.25	24.75
241	01030868	NGUYỄN TRÀ MY	21/10/2004	Nữ	001304023297	3		Hà Nội	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.10	0.00	25.10
242	28004296	VŨ THỊ TRÀ MY	24/03/2003	Nữ	038303011323	2		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.10	0.25	25.35
243	29016085	LÊ THỊ MỸ	21/03/2004	Nữ	245501026	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.25	0.75	25.00
244	29010123	PHẠM THỊ XUÂN MỸ	24/09/2004	Nữ	040304022420	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.65	0.50	25.15
245	47004302	ĐỖ HOÀNG NAM	01/12/2004	Nam	060204001312	1		Bình Thuận	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.00	0.75	24.75
246	30006544	HỒ AN NAM	16/11/2003	Nam	042203002687	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.50	25.20
247	26002217	NGUYỄN HẢI NAM	26/08/2004	Nam	034204001604	2		Thái Bình	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.25	25.35
248	03011647	VŨ HẢI NAM	12/05/2004	Nam	031204017251	3		Hải Phòng	TO	8.40	HO	7.50	SI	9.25	100	B00	25.15	0.00	25.15
249	34011947	NGUYỄN GIANG TIÊU NI	05/09/2002	Nữ	049302007307	2NT		Quảng Nam	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.25	100	B00	24.35	0.50	24.85
250	29009529	LÊ VĂN NIÊN	01/08/2004	Nam	040204003270	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.75	25.50
251	37000292	DƯƠNG Ý NY	14/11/2004	Nữ	215627642	2		Bình Định	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.70	0.25	24.95
252	04004243	NGÔ THỊ BÍCH NGÀ	01/04/2003	Nữ	048303006256	3		Đà Nẵng	TO	8.80	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.30	0.00	25.30
253	29019290	NGUYỄN THỊ NGÀ	15/10/2004	Nữ	040304014086	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.50	SI	7.25	100	B00	24.55	0.50	25.05
254	01053996	NGUYỄN THANH NGÂN	11/11/2004	Nữ	001304008078	3		Hà Nội	TO	8.80	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	25.30	0.00	25.30
255	14006945	PHẠM THANH NGÂN	01/08/2003	Nữ	014303001140	1		Sơn La	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.00	0.75	24.75
256	21011694	PHẠM THỊ KIM NGÂN	14/06/2004	Nữ	030304005440	2		Hải Dương	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.70	0.25	24.95
257	30010983	PHAN VĂN NGHỊ	20/03/2004	Nam	042204003397	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	25.35	0.50	25.85
258	30000431	NGUYỄN TIỀN NGHIÊN	16/04/2004	Nam	042204006795	1		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.00	0.75	24.75
259	31006351	HOÀNG BẢO NGỌC	07/03/2004	Nữ	044304001148	2		Quảng Bình	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.90	0.25	25.15
260	22000228	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	02/10/2004	Nữ	033304002683	2		Hưng Yên	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.90	0.25	25.15
261	30000434	NGUYỄN BẢO NGỌC	27/02/2004	Nữ	042304005577	2		Hà Tĩnh	TO	9.00	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	25.00	0.25	25.25
262	25009713	TRẦN VŨ BÍCH NGỌC	04/10/2004	Nữ	036304016489	2NT		Nam Định	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.85	0.50	25.35
263	62000942	ĐỖ THẾ NGUYỄN	14/06/2004	Nam	011204001065	1		Điện Biên	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.45	0.75	25.20
264	08004745	HOÀNG ĐÌNH NGUYỄN	05/09/2004	Nam	010204001780	1		Lào Cai	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.60	0.75	25.35
265	21010512	NGÔ THỊ THẢO NGUYỄN	11/10/2004	Nữ	030304002425	1		Hải Dương	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	24.10	0.75	24.85
266	30015341	NGUYỄN ĐÌNH TÀI NGUYỄN	01/08/2003	Nam	184490284	1		Hà Tĩnh	TO	7.60	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.35	0.75	25.10
267	04009256	NGUYỄN HẢI THẢO NGUYỄN	02/02/2004	Nữ	048304000828	3		Đà Nẵng	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.00	25.10
268	58006506	KIẾN THỊ MỸ NHÂN	18/12/2004	Nữ	084304012256	1	01	Trà Vinh	TO	8.20	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	23.20	2.75	25.95
269	28029762	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	23/05/2003	Nam	038203022888	2NT		Thanh Hoá	TO	9.00	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	25.25	0.50	25.75
270	38013892	TRẦN THÀNH NHÂN	02/05/2002	Nam	064202006617	1		Gia Lai	TO	8.00	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.00	0.75	24.75
271	32004117	TRẦN ĐÌNH NHẬT	10/07/2004	Nam	045204005524	2NT		Quảng Trị	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.35	0.50	24.85
272	12001648	CHU UYÊN NHI	20/02/2004	Nữ	006304004108	1	01	Bắc Kạn	TO	7.80	HO	8.00	SI	6.25	100	B00	22.05	2.75	24.80

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
273	32003412	ĐỖ THỊ KIM NHI	26/03/2004	Nữ	045304000775	2		Quảng Trị	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.25	25.35
274	28015720	LÊ THỊ YẾN NHI	13/09/2004	Nữ	038304019729	2NT		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.35	0.50	24.85
275	32003437	NGUYỄN HOÀNG UYÊN NHI	08/11/2004	Nữ	045304005215	2		Quảng Trị	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.25	24.95
276	29029052	NGUYỄN LINH NHI	11/11/2003	Nữ	040303021693	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	9.00	SI	8.00	100	B00	24.40	0.50	24.90
277	29008767	NGUYỄN THẢO NHI	10/03/2004	Nữ	040304019233	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.50	SI	7.25	100	B00	24.55	0.50	25.05
278	28029249	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	29/07/2004	Nữ	038304018702	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	7.75	SI	8.50	100	B00	24.25	0.50	24.75
279	31008550	NGUYỄN TRẦN YẾN NHI	04/01/2004	Nữ	044304000547	2NT		Quảng Bình	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.30	0.50	24.80
280	29008772	PHẠM THỊ YẾN NHI	31/10/2004	Nữ	040304025846	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.95	0.50	25.45
281	38004221	TRƯƠNG YẾN NHI	30/12/2004	Nữ	064304003608	1		Gia Lai	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.30	0.75	25.05
282	30001522	LÂM HỒNG NHUNG	03/01/2004	Nữ	042304005613	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.50	0.50	25.00
283	29004002	TRỊNH HỒNG NHUNG	01/06/2004	Nữ	040304021770	2		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.75	100	B00	24.55	0.25	24.80
284	30001526	VÔ THỊ HỒNG NHUNG	14/08/2003	Nữ	042303003662	2		Hà Tĩnh	TO	8.80	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	25.05	0.25	25.30
285	28016862	ĐỖ THỊ QUỲNH NHƯ	11/06/2003	Nữ	038303009132	2NT		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	7.75	SI	8.25	100	B00	24.40	0.50	24.90
286	29003327	HOÀNG THỊ OANH	09/06/2000	Nữ	187895973	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.75	100	B00	25.00	0.25	25.25
287	29013610	HOÀNG THỊ OANH	28/10/2004	Nữ	040304007362	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.05	0.75	24.80
288	26004542	PHẠM NGỌC OANH	06/02/2004	Nữ	034304010391	2NT		Thái Bình	TO	8.20	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.45	0.50	24.95
289	27007013	PHẠM MINH PHÁT	16/04/2004	Nam	037204004244	2NT		Ninh Bình	TO	8.00	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.75	0.50	25.25
290	29008787	BÁ TUẤN PHONG	13/09/2004	Nam	040204013183	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.40	0.50	24.90
291	26017415	LÊ HỒNG PHONG	09/01/2003	Nam	034203008216	2NT		Thái Bình	TO	8.80	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	24.80	0.50	25.30
292	29018452	NGUYỄN HỒNG PHONG	06/03/2004	Nam	040204020904	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.50	SI	9.00	100	B00	26.10	0.50	26.60
293	42001210	TRIỆU NHÂN PHONG	05/01/2003	Nam	068203011462	1		Lâm Đồng	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.20	0.75	24.95
294	29000612	VŨ THANH PHONG	22/06/2004	Nam	040204003556	2		Nghệ An	TO	8.20	HO	9.00	SI	8.25	100	B00	25.45	0.25	25.70
295	03021623	LƯƠNG HUY PHÚ	02/01/2004	Nam	031204008331	2		Hải Phòng	TO	8.80	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.80	0.25	25.05
296	29000616	NGUYỄN KHẮC PHÚ	23/03/2004	Nam	040204020079	2		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	25.00	0.25	25.25
297	31007629	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	15/12/2004	Nam	044204000566	2		Quảng Bình	TO	8.00	HO	9.00	SI	8.00	100	B00	25.00	0.25	25.25
298	28001363	NGUYỄN XUÂN PHÚC	23/01/2003	Nam	038203010850	2		Thanh Hoá	TO	7.80	HO	7.75	SI	9.00	100	B00	24.55	0.25	24.80
299	29013630	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	17/08/2004	Nữ	040304028057	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.00	0.75	24.75
300	29015564	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	28/07/2004	Nữ	040304027560	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	25.60	0.50	26.10
301	29032793	LÊ THỊ HOÀI PHƯƠNG	25/02/2004	Nữ	040304006810	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.55	0.50	25.05
302	01046950	LƯƠNG MINH PHƯƠNG	21/03/2003	Nữ	001303029808	2		Hà Nội	TO	8.40	HO	9.00	SI	7.75	100	B00	25.15	0.25	25.40
303	01067404	ĐỖ MẠNH QUANG	25/01/2003	Nam	001203042135	2		Hà Nội	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	24.50	0.25	24.75
304	01021154	LÊ HUY QUANG	01/02/2004	Nam	001204057696	3		Hà Nội	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.90	0.00	24.90
305	01040031	NGUYỄN XUÂN QUANG	17/08/2004	Nam	001204003459	2		Hà Nội	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.60	0.25	24.85
306	21016378	PHẠM NGỌC QUANG	05/06/2004	Nam	030204010005	2		Hải Dương	TO	9.00	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.50	0.25	25.75
307	29001567	HỒ MINH QUÂN	25/10/2004	Nam	040204022982	2		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.25	24.95

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
308	32004902	NGUYỄN NHẬT QUÂN	22/11/2004	Nam	045204004152	1		Quảng Trị	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.25	100	B00	24.05	0.75	24.80
309	27008776	NGUYỄN VĂN QUÂN	10/08/2003	Nam	037203005886	1		Ninh Bình	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.75	0.75	25.50
310	13005352	SÂM NAM QUÂN	02/12/2004	Nam	015204000825	1	01	Yên Bái	TO	7.20	HO	7.00	SI	8.25	100	B00	22.45	2.75	25.20
311	29033789	TRẦN ĐĂNG QUÂN	01/04/2004	Nam	187984291	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.70	0.50	25.20
312	29007755	VI ĐỨC QUÂN	04/06/2004	Nam	040204021918	1	01	Nghệ An	TO	7.40	HO	7.00	SI	8.25	100	B00	22.65	2.75	25.40
313	29004410	NGÂN THỊ HUYỀN QUYÊN	02/08/2004	Nữ	040304019253	1	01	Nghệ An	TO	8.40	HO	7.00	SI	7.00	100	B00	22.40	2.75	25.15
314	29015578	NGUYỄN THỊ QUYÊN	10/10/2004	Nữ	040304016677	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.50	0.50	26.00
315	01045401	LÊ TRĂNG QUYẾT	28/12/2004	Nam	001204048308	2		Hà Nội	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	25.10	0.25	25.35
316	29028130	PHẠM VĂN QUYẾT	16/03/2004	Nam	040204008962	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.60	0.50	25.10
317	29022531	ĐỖ MẠNH QUỲNH	10/10/2002	Nam	187935655	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	9.25	SI	8.00	100	B00	25.25	0.75	26.00
318	30010402	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	24/01/2004	Nữ	042304000683	2NT		Hà Tĩnh	TO	9.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.50	0.50	26.00
319	29033489	NGUYỄN THỊ NGỌC SAN	19/01/2003	Nữ	040303008388	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.75	100	B00	25.85	0.50	26.35
320	28023835	PHAN ĐÌNH SÁNG	23/07/2004	Nam	038204009549	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	9.00	SI	8.00	100	B00	25.00	0.50	25.50
321	29004426	LƯƠNG THỊ SON	12/02/2004	Nữ	040304024678	1	01	Nghệ An	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.05	2.75	26.80
322	30013668	LƯU THANH SƠN	07/01/2004	Nam	042204000794	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.95	0.50	25.45
323	29008857	NGUYỄN NGỌC SƠN	20/12/2004	Nam	040204017943	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.30	0.50	24.80
324	43001658	NGUYỄN THANH SƠN	04/11/2004	Nam	070204003661	1		Bình Phước	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.25	0.75	25.00
325	29023585	HOÀNG ĐÌNH SỸ	13/06/1991	Nam	040091021205	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	24.80	0.50	25.30
326	29015128	HOÀNG VĂN TÀI	17/04/2004	Nam	040204006008	2NT		Nghệ An	TO	9.40	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	25.65	0.50	26.15
327	15008376	NGUYỄN ĐỨC TÀI	18/02/2003	Nam	025203003748	2NT		Phú Thọ	TO	7.80	HO	9.25	SI	7.25	100	B00	24.30	0.50	24.80
328	12014007	PHẠM MINH TÀI	02/10/2004	Nam	019204000746	1		Thái Nguyên	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.55	0.75	25.30
329	29028546	PHẠM THỊ TÂM	15/10/2004	Nữ	040304028301	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	9.25	SI	8.00	100	B00	25.65	0.50	26.15
330	28004335	HOÀNG CÔNG TÂN	06/09/2001	Nam	038201010470	2		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	9.00	SI	8.00	100	B00	25.20	0.25	25.45
331	09004513	LƯƠNG THỊ THỦY TIỀN	01/06/2003	Nữ	008303009719	1	01	Tuyên Quang	TO	7.00	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	22.75	2.75	25.50
332	15012477	PHẠM THỦY TIỀN	05/08/2004	Nữ	025304002539	1		Phú Thọ	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.95	0.75	25.70
333	28027709	LÊ HUY TIỀN	05/09/2004	Nam	038204016590	2NT		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.90	0.50	25.40
334	29004470	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	15/10/1997	Nam	042097003059	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	9.00	SI	7.25	100	B00	24.25	0.50	24.75
335	16001526	LƯƠNG THÀNH TÍN	21/12/2004	Nam	026204008309	2		Vĩnh Phúc	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.10	0.25	25.35
336	29004125	NGUYỄN BÁ TỈNH	07/10/2004	Nam	040204004043	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.75	100	B00	24.75	0.25	25.00
337	02064958	NGUYỄN VĂN TOẠI	20/04/2003	Nam	034203013831	2		Thái Bình	TO	8.80	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	25.30	0.25	25.55
338	34009886	HUỲNH QUỐC TOÀN	06/02/2004	Nam	049204001111	2		Quảng Nam	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	25.15	0.25	25.40
339	29027762	NGUYỄN VĂN TOÀN	23/09/2003	Nam	040203013871	2NT		Nghệ An	TO	9.40	HO	8.25	SI	7.25	500	B00	24.90	0.50	25.40
340	30009842	NGUYỄN DUY TỎI	15/02/2004	Nam	042204007482	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.95	0.50	25.45
341	13004629	ĐẶNG VĂN TỬ	19/08/2004	Nam	015204002120	1		Yên Bái	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.00	0.75	24.75
342	30003533	ĐẬU THỊ CẨM TỬ	08/10/2004	Nữ	042304008706	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.85	0.50	25.35

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm U'T quy đổi	Điểm trúng tuyển
343	29007870	LÊ THỊ THANH TÚ	07/09/2004	Nữ	040304002359	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.30	0.75	25.05
344	29000892	NGÔ THỊ CẨM TÚ	17/01/2004	Nữ	040304004593	2		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.85	0.25	25.10
345	32006793	NGUYỄN CẨM TÚ	05/08/2004	Nữ	045304001023	2		Quảng Trị	TO	8.80	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.30	0.25	25.55
346	30004119	TRẦN CẨM TÚ	13/08/2004	Nữ	042304009675	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.35	0.50	24.85
347	28031117	VŨ HOÀNG TUÂN	30/08/2004	Nam	038204025828	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.95	0.50	25.45
348	29009019	CAO CỰ TUÂN	03/07/2004	Nam	040204015425	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.20	0.50	25.70
349	29010382	NGUYỄN ANH TUÂN	02/02/2004	Nam	040204006856	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.85	0.50	25.35
350	01014384	NGUYỄN DƯƠNG ANH TUÂN	25/11/2004	Nam	001204010610	3		Hà Nội	TO	8.40	HO	8.25	SI	9.00	100	B00	25.65	0.00	25.65
351	37002756	NGUYỄN QUANG TUÂN	22/05/2004	Nam	215632877	2		Bình Định	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.90	0.25	25.15
352	29007075	NGUYỄN THANH TUÂN	15/11/2004	Nam	040204020165	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	8.75	100	B00	24.80	0.75	25.55
353	29001769	NGUYỄN VĂN TUÂN	21/12/2004	Nam	040204001469	2		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.50	0.25	25.75
354	23008725	BÙI THANH TÙNG	07/11/2004	Nam	017204001728	1	01	Hoà Bình	TO	7.60	HO	7.75	SI	7.25	100	B00	22.60	2.75	25.35
355	26002439	HOÀNG VŨ LÂM TÙNG	06/04/2004	Nam	034204000370	2		Thái Bình	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.25	24.95
356	14007092	DƯƠNG THỊ ÁNH TUYẾT	27/11/2003	Nữ	014303001225	1		Sơn La	TO	8.20	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.20	0.75	24.95
357	29018727	NGUYỄN DOãn TƯỜNG	28/11/2004	Nam	040204005509	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	25.80	0.50	26.30
358	34007136	NGÔ ĐÌNH TƯỜNG	28/11/2004	Nam	049204012834	2NT		Quảng Nam	TO	8.00	HO	9.00	SI	7.75	100	B00	24.75	0.50	25.25
359	12012302	LÊ DƯƠNG THÁI	09/08/2003	Nam	019203006532	2NT		Thái Nguyên	TO	8.80	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	24.30	0.50	24.80
360	01062355	NGUYỄN MINH THÁI	14/06/2004	Nữ	001304027426	2		Hà Nội	TO	8.40	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.90	0.25	25.15
361	09006665	NGUYỄN VĂN THÁI	28/01/2003	Nam	008203003140	1		Tuyên Quang	TO	8.00	HO	7.75	SI	8.75	100	B00	24.50	0.75	25.25
362	29004437	BÙI TÂN THÀNH	15/05/2004	Nam	040204023120	1	01	Nghệ An	TO	8.60	HO	7.50	SI	6.75	100	B00	22.85	2.75	25.60
363	15008386	ĐỖ TRUNG THÀNH	24/07/2004	Nam	025204007215	2NT		Phú Thọ	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	24.40	0.50	24.90
364	17004441	NGÔ TRÚC THÀNH	06/01/2004	Nữ	022304011429	1		Quảng Ninh	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.25	0.75	25.00
365	26014162	PHAN TRỌNG THÀNH	18/05/2003	Nam	034203005929	2NT		Thái Bình	TO	9.00	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	24.50	0.50	25.00
366	28009657	HỒ PHƯƠNG THẢO	20/09/2003	Nữ	040303000218	1		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.75	25.50
367	15007115	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	13/02/2004	Nữ	025304010842	1		Phú Thọ	TO	7.80	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.30	0.75	25.05
368	29013731	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	20/03/2004	Nữ	040304007411	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	9.00	SI	7.25	100	B00	24.25	0.75	25.00
369	25005790	PHẠM THỊ THẢO	18/06/2004	Nữ	036304014944	2NT		Nam Định	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.50	100	B00	25.20	0.50	25.70
370	29004443	TRẦN HƯƠNG THẢO	17/12/2002	Nữ	206324982	2		Quảng Nam	TO	8.00	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.50	0.25	24.75
371	27007069	TRẦN PHƯƠNG THẢO	02/10/2004	Nữ	037304003266	2NT		Ninh Bình	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.35	0.50	24.85
372	62000498	TRỊNH THỊ THẨM	17/07/2001	Nữ	037301007620	1		Điện Biên	TO	8.80	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	24.30	0.75	25.05
373	29010839	VŨ THỊ THẨM	21/10/2004	Nữ	040304006970	1		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.15	0.75	24.90
374	30001595	LÂM QUANG THẮNG	10/01/2004	Nam	042204011832	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	9.25	SI	7.50	100	B00	25.15	0.50	25.65
375	30013058	NGUYỄN DUY THẮNG	03/02/2004	Nam	042204003118	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	9.00	SI	8.25	100	B00	25.65	0.50	26.15
376	35012207	ĐÌNH NỮ KIM THÂN	15/12/2004	Nữ	051304011091	1	01	Quảng Ngãi	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	22.80	2.75	25.55
377	29011464	NGUYỄN THỊ THÂN	05/01/2004	Nữ	040304020467	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.85	0.50	25.35

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
378	29021004	NGUYỄN ĐÌNH THẾ	19/10/2003	Nam	040203012295	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.95	0.50	25.45
379	31007097	NGUYỄN HOÀI THI	13/01/2004	Nữ	060304010334	2		Quảng Bình	TO	8.40	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	25.15	0.25	25.40
380	29001665	NGUYỄN ANH THIÊN	29/08/2004	Nam	040204002313	2		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.60	0.25	25.85
381	29023637	NGUYỄN HỮU THIÊN	07/09/2004	Nam	040204018948	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.10	0.50	25.60
382	01088213	NGUYỄN THỊ NGỌC THIÊN	21/08/2004	Nữ	001304035308	2		Hà Nội	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	24.50	0.25	24.75
383	61001326	NGUYỄN KHẮC THIÊN	23/07/2004	Nam	096204012928	1		Cà Mau	TO	9.20	HO	8.50	SI	7.00	100	B00	24.70	0.75	25.45
384	18001694	NGUYỄN NGỌC THỊNH	26/12/2003	Nam	024203003716	1		Bắc Giang	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.60	0.75	25.35
385	24004008	ĐỖ THỊ XUÂN THU	17/12/2003	Nữ	035303002997	2NT		Hà Nam	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.50	25.25
386	28033195	NGUYỄN NGỌC THUẬN	08/11/2004	Nam	092204008990	2NT	06	Thanh Hoá	TO	7.80	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	23.30	1.50	24.80
387	24005519	NGUYỄN THANH THUẬN	01/08/2004	Nam	035204002775	2NT		Hà Nam	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.70	0.50	25.20
388	29009666	NGUYỄN THỊ THUỶ	27/10/2004	Nữ	040304016799	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	9.00	SI	7.75	100	B00	24.75	0.50	25.25
389	48024534	TRẦN THỊ THUỶ	19/08/2004	Nữ	040304016440	2		Đồng Nai	TO	8.60	HO	9.25	SI	8.00	100	B00	25.85	0.25	26.10
390	08000364	ĐỖ THỊ THỦY	01/02/2004	Nữ	010304000418	1		Lào Cai	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.50	0.75	25.25
391	31007718	HOÀNG PHƯƠNG THÙY	06/08/2004	Nữ	044304000680	2		Quảng Bình	TO	8.20	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.70	0.25	24.95
392	29021028	TRẦN THỊ THỦY	25/10/2004	Nữ	040304023266	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	24.20	0.75	24.95
393	04004323	HOÀNG THỊ THU THỦY	25/10/2003	Nữ	044303005197	2		Quảng Bình	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.75	100	B00	25.05	0.25	25.30
394	38005496	HỒ THỊ THU THỦY	25/02/2003	Nữ	040303018623	1		Gia Lai	TO	8.60	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	24.85	0.75	25.60
395	01035477	LÃ THỊ BÍCH THỦY	17/04/2004	Nữ	001304004667	2		Hà Nội	TO	8.80	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	25.05	0.25	25.30
396	29025347	NGUYỄN THỊ THỦY	21/10/2004	Nữ	040304020458	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.95	0.50	25.45
397	28022216	HOÀNG THỊ THÚY	29/07/2004	Nữ	038304011889	2NT		Thanh Hoá	TO	7.60	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.35	0.50	24.85
398	30005224	LÊ THANH THÚY	17/07/2004	Nữ	042304001132	2		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.65	0.25	24.90
399	29023658	NGUYỄN THỊ THÚY	21/02/2004	Nữ	040304029267	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	9.25	SI	9.00	100	B00	27.05	0.50	27.55
400	26009115	PHẠM THỊ THÚY	23/06/2004	Nữ	034304002810	2NT		Thái Bình	TO	8.40	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.65	0.50	25.15
401	29036268	TRƯƠNG THỊ THÚY	20/04/2004	Nữ	040304020608	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.40	0.25	25.65
402	29010301	HỒ MINH THU	12/12/2003	Nữ	040303005612	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.90	0.50	25.40
403	29036271	HỒ THỊ MINH THU	25/05/2004	Nữ	040304016114	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	9.00	SI	8.00	100	B00	25.00	0.25	25.25
404	25018557	PHẠM MINH THỨC	09/06/2004	Nam	036204014941	2NT		Nam Định	TO	7.80	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	24.80	0.50	25.30
405	30011862	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	26/10/2004	Nữ	042304004498	2		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.00	SI	8.75	100	B00	25.15	0.25	25.40
406	30013739	PHAN HOÀI THƯƠNG	27/10/2004	Nữ	042304001032	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.80	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.30	0.50	25.80
407	29008965	TRẦN HUY TRẠI	17/04/2004	Nam	040204021369	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	9.00	SI	7.75	100	B00	24.95	0.50	25.45
408	30005251	HOÀNG THỊ TRANG	26/03/2004	Nữ	040304003249	2		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.50	0.25	24.75
409	28021698	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	14/06/2004	Nữ	038304006680	2NT		Thanh Hoá	TO	8.80	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.80	0.50	25.30
410	29009715	LÊ THỊ TRANG	24/03/2004	Nữ	040304004856	1		Nghệ An	TO	8.80	HO	9.25	SI	7.25	100	B00	25.30	0.75	26.05
411	29006011	NGÔ THỊ THÙY TRANG	27/07/2004	Nữ	040304002194	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.55	0.75	25.30
412	32003668	NGUYỄN HUYỀN TRANG	23/07/2004	Nữ	231304005003	2		Quảng Trị	TO	8.60	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.60	0.25	24.85

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
413	29013790	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	16/04/2004	Nữ	040304007435	1	06	Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	23.70	1.75	25.45
414	30008062	NGUYỄN THỊ TRANG	12/06/2004	Nữ	042304001863	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.45	0.50	24.95
415	30002404	NGUYỄN THU TRANG	22/08/2004	Nữ	042304009738	1		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.75	25.50
416	29000856	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	08/04/2004	Nữ	040304004591	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.75	0.25	25.00
417	34004626	VÕ THỊ ĐOAN TRANG	27/10/2004	Nữ	049304010843	2		Quảng Nam	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.95	0.25	25.20
418	29006555	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	08/10/2003	Nữ	040303005396	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	24.10	0.75	24.85
419	28022262	ĐỖ THỊ TRÂM	10/03/2004	Nữ	038304011861	2NT		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	25.10	0.50	25.60
420	06002712	NÔNG THỊ TRÂM	25/10/2003	Nữ	004303001233	1	01	Cao Bằng	TO	7.80	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	23.80	2.75	26.55
421	34001928	VŨ THỊ MINH TRÂM	31/05/2004	Nữ	049304011327	2		Quảng Nam	TO	7.80	HO	9.00	SI	7.75	100	B00	24.55	0.25	24.80
422	34012105	ĐOÀN NGUYỄN MINH TRÍ	26/03/2003	Nam	049203001856	2		Quảng Nam	TO	9.00	HO	8.75	SI	7.00	100	B00	24.75	0.25	25.00
423	30002883	LÊ THỊ KIỀU TRINH	12/04/2004	Nữ	042304011281	1		Hà Tĩnh	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	24.00	0.75	24.75
424	32004822	NGUYỄN ĐẶNG ĐAN TRINH	24/09/2004	Nữ	045304004949	1		Quảng Trị	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.05	0.75	24.80
425	30000676	VÕ THỊ DIỆU TRINH	23/11/2004	Nữ	042304005617	2		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	24.75	0.25	25.00
426	30014336	BÙI THỊ THANH TRÚC	08/06/2003	Nữ	042303001484	1		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	24.40	0.75	25.15
427	34006852	LÊ ĐỖ HẠNH UYÊN	27/08/2004	Nữ	049304010319	1		Quảng Nam	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	24.70	0.75	25.45
428	29004171	LƯU THỊ THU UYÊN	24/05/2004	Nữ	040304016270	2		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	9.00	100	B00	25.70	0.25	25.95
429	29004173	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	27/10/2004	Nữ	040304014374	2		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	25.20	0.25	25.45
430	30011931	NGUYỄN THỊ THẢO UYÊN	31/08/2004	Nữ	042304004400	2		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	9.00	SI	8.00	100	B00	25.20	0.25	25.45
431	26016150	TRẦN THỊ ÁNH VÂN	13/05/2004	Nữ	034304003709	2NT		Thái Bình	TO	8.00	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	24.75	0.50	25.25
432	28036694	TRỊNH HẢI VÂN	27/09/2004	Nữ	038304028919	2NT		Thanh Hoá	TO	8.60	HO	8.50	SI	8.25	100	B00	25.35	0.50	25.85
433	28031150	VŨ THỊ VÂN	11/09/2004	Nữ	038304030113	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	8.25	SI	8.50	100	B00	24.75	0.50	25.25
434	34008772	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	15/05/2004	Nữ	049304007934	1		Quảng Nam	TO	8.00	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	24.25	0.75	25.00
435	25019343	VŨ VĂN VIÊN	30/09/2004	Nam	036204007880	2NT		Nam Định	TO	9.00	HO	9.25	SI	6.75	100	B00	25.00	0.50	25.50
436	21001975	HOÀNG ĐỨC VIỆT	29/01/2004	Nam	030204012461	2NT		Hải Dương	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.45	0.50	24.95
437	28036697	LÊ TUẤN VIỆT	20/10/2002	Nam	038202019138	2NT		Thanh Hoá	TO	8.80	HO	9.00	SI	7.00	100	B00	24.80	0.50	25.30
438	29035311	BÙI XUÂN THÀNH VINH	24/07/2004	Nam	040204000604	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	24.90	0.25	25.15
439	26001634	LƯƠNG THẾ VINH	11/09/2003	Nam	034203000512	2		Thái Bình	TO	8.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.70	0.25	24.95
440	29009054	NGUYỄN KHÁNH VINH	02/09/2004	Nam	040204012263	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	25.25	0.50	25.75
441	29004761	NGUYỄN QUANG VINH	28/04/2003	Nam	040203003209	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.75	SI	9.25	100	B00	26.40	0.25	26.65
442	34015447	MẬU XUÂN HOÀNG VŨ	01/01/2004	Nam	049204009667	1		Quảng Nam	TO	8.60	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	24.10	0.75	24.85
443	30001667	TRẦN QUỐC VŨ	16/11/2003	Nam	042203005626	1		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.40	0.75	25.15
444	29027839	CAO VIỆT VƯỢNG	02/12/2003	Nam	040203005598	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.85	0.75	25.60
445	31009747	NGÔ THỊ THẢO VY	02/01/2004	Nữ	044304003367	2NT		Quảng Bình	TO	8.20	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	24.70	0.50	25.20
446	29023762	NGUYỄN THỊ CHƯƠNG VY	29/10/2004	Nữ	040304027301	2NT		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.75	0.50	25.25
447	30006824	HOÀNG THỊ XUÂN	03/02/2003	Nữ	042303002356	2NT		Hà Tĩnh	TO	9.20	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.95	0.50	25.45

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
448	36001230	NGUYỄN TRƯỜNG KHÁNH XUÂN	17/06/2004	Nữ	233364429	1		Kon Tum	TO	8.20	HO	7.75	SI	9.00	100	B00	24.95	0.75	25.70
449	24007270	TRẦN MẠNH XUYỀN	15/04/2003	Nam	036203011604	2NT		Hà Nam	TO	8.60	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	24.35	0.50	24.85
450	21003706	VŨ THỊ XUYỀN	18/01/2004	Nữ	030304003095	2NT		Hải Dương	TO	7.80	HO	8.75	SI	8.25	100	B00	24.80	0.50	25.30
451	35000493	ĐỖ THỊ NHƯ Ý	06/05/2004	Nữ	051304009091	2NT		Quảng Ngãi	TO	8.40	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	24.90	0.50	25.40
452	29009066	TRẦN ĐÌNH LÂM Ý	14/05/2004	Nam	040204010792	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	25.35	0.50	25.85
453	04004875	NGUYỄN THỊ BÌNH YÊN	10/03/2003	Nữ	048303003703	3		Đà Nẵng	TO	9.00	HO	8.50	SI	8.00	100	B00	25.50	0.00	25.50
454	02042287	NGUYỄN HOÀNG YẾN	07/07/2004	Nữ	184444444	3		Tp. Hồ Chí Minh	TO	8.80	HO	8.75	SI	8.00	100	B00	25.55	0.00	25.55
455	30005361	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	29/12/2004	Nữ	042304001260	2		Hà Tĩnh	TO	8.80	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	24.55	0.25	24.80
II. NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG (23 thí sinh)																			
456	28000054	NGUYỄN LAN ANH	03/07/2004	Nữ	038304005668	2		Thanh Hoá	TO	6.60	HO	8.00	SI	4.50	100	B00	19.10	0.25	19.35
457	29006649	VŨ THỊ VÂN ANH	10/03/2004	Nữ	040304005956	1		Nghệ An	TO	8.90	HO	8.30	SI	8.00	200	B00	25.20	0.75	25.95
458	18006097	TRẦN GIA BẢO	01/01/2004	Nam	024204011610	1		Bắc Giang	TO	8.00	HO	7.25	SI	4.50	100	B00	19.75	0.75	20.50
459	12001280	LỖ Y DẪNH	20/02/2004	Nữ	40304023379	1	01	Nghệ An	TO	6.80	HO	7.25	SI	4.75	100	B00	18.80	2.75	21.55
460	21004804	NGUYỄN PHẠM HÀO	08/10/2004	Nam	030204005293	2NT		Hải Dương	TO	7.20	HO	7.50	SI	5.25	100	B00	19.95	0.50	20.45
461	15000683	NGUYỄN MINH HIẾU	10/08/2004	Nam	025204001501	2		Phủ Thọ	TO	7.60	HO	6.25	SI	6.25	100	B00	20.10	0.25	20.35
462	28027345	LƯƠNG XUÂN HÙNG	10/11/2004	Nam	038204027706	2NT		Thanh Hoá	TO	7.40	HO	6.00	SI	6.25	100	B00	19.65	0.50	20.15
463	29001283	NGUYỄN TẤT HÙNG	12/03/2004	Nam	040204001410	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.40	SI	7.60	200	B00	24.00	0.25	24.25
464	14000371	LỖ THỊ NGÀ	02/09/2004	Nữ	014304007396	1	01	Sơn La	TO	6.90	HO	7.10	SI	7.00	200	B00	21.00	2.75	23.75
465	29011342	HOÀNG THÙY NHUNG	22/04/2004	Nữ	040304021859	2NT		Nghệ An	TO	7.60	HO	6.25	SI	4.75	100	B00	18.60	0.50	19.10
466	29032257	NGUYỄN DUY PHÁT	24/02/2004	Nam	040204026371	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	6.00	100	B00	22.00	0.50	22.50
467	29007741	HOÀNG NGHĨA PHƯỚC	19/12/2004	Nam	040204002099	1		Nghệ An	TO	9.30	HO	9.10	SI	9.20	200	B00	27.60	0.75	28.35
468		HỒ NGỌC LINH PHƯƠNG	29/06/2002	Nữ	042302005923	1		Hà Tĩnh	TO	7.60	HO	6.50	SI	4.75	500	B00	18.85	0.75	19.60
469	29002465	LÊ VĂN QUANG	25/11/2004	Nam	040204001121	2		Nghệ An	TO	7.60	HO	8.00	SI	6.75	100	B00	22.35	0.25	22.60
470	29029236	TRẦN DUY ANH TIỀN	11/03/2002	Nam	040202020931	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	5.25	SI	6.00	100	B00	19.25	0.50	19.75
471	29009752	LÊ TIỀN TUẤN	26/11/2003	Nam	040203012203	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	6.50	100	B00	23.35	0.75	24.10
472	14002788	GIẢNG LAO THÀNH	17/06/1988	Nam	014088013532	1	01	Sơn La	TO	6.20	HO	6.50	SI	5.50	100	B00	18.20	2.75	20.95
473	18009944	LÊ CÔNG THÀNH	18/01/2004	Nam	024204001076	1		Bắc Giang	TO	7.00	HO	6.50	SI	5.75	100	B00	19.25	0.75	20.00
474	29003432	NGUYỄN TẤT THÀNH	25/07/2004	Nam	040204003581	2		Nghệ An	TO	8.10	HO	7.80	SI	9.00	200	B00	24.90	0.25	25.15
475	29002595	TRƯƠNG THANH THIÊN	29/10/2004	Nam	040204001179	2		Nghệ An	TO	6.80	HO	7.25	SI	6.50	100	B00	20.55	0.25	20.80
476	29025921	NGUYỄN THU TRANG	02/09/2004	Nữ	040304017341	1		Nghệ An	TO	9.00	HO	6.75	SI	5.50	100	B00	21.25	0.75	22.00
477	44002979	DƯƠNG NGUYỄN BẢO TRÂN	24/02/2004	Nữ	074304008583	2		Bình Dương	TO	7.00	HO	7.00	SI	7.00	100	B00	21.00	0.25	21.25
478	29007864	LƯƠNG THỊ HỒNG TRÚC	05/04/2004	Nữ	040304022467	1	01	Nghệ An	TO	6.80	HO	7.75	SI	4.50	100	B00	19.05	2.75	21.80
III. NGÀNH DƯỢC HỌC (193 thí sinh)																			
479	40001867	NGÔ THỊ HOÀI AN	25/10/2004	Nữ	049304014323	1		Đắk Lắk	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	23.80	0.75	24.55
480	22002675	ĐẶNG VÂN ANH	25/09/2003	Nữ	033303003219	2NT		Hưng Yên	TO	7.80	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	24.05	0.50	24.55

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
481	29013898	LANG THỊ VÂN ANH	29/01/2004	Nữ	040304002509	1	01	Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	5.50	100	B00	22.20	2.75	24.95
482	28036731	LÊ THỊ LAN ANH	14/02/2004	Nữ	038304020810	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	LI	7.75	HO	8.25	100	A00	24.20	0.50	24.70
483	17005732	LÊ THỊ NGỌC ANH	22/12/2004	Nữ	022304011800	1		Quảng Ninh	TO	8.00	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	23.75	0.75	24.50
484	19003990	NGÔ THỊ LAN ANH	14/11/2003	Nữ	027303000873	2NT		Bắc Ninh	TO	8.20	LI	8.00	HO	8.00	100	A00	24.20	0.50	24.70
485	27001006	NGUYỄN HOÀNG TRÚC ANH	04/06/2004	Nữ	037304001421	1		Ninh Bình	TO	7.60	HO	7.75	SI	7.50	100	B00	22.85	0.75	23.60
486	28025422	NGUYỄN THỊ ANH	06/02/2004	Nữ	038304001794	2NT		Thanh Hoá	TO	8.60	LI	7.75	HO	8.00	100	A00	24.35	0.50	24.85
487	29024426	NGUYỄN THỊ MAI ANH	27/02/2004	Nữ	040304023755	2NT		Nghệ An	TO	7.80	LI	8.00	HO	8.50	100	A00	24.30	0.50	24.80
488	27008945	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	27/01/2004	Nữ	037304004086	1		Ninh Bình	TO	7.80	LI	8.25	HO	8.00	100	A00	24.05	0.75	24.80
489	14001184	TRẦN CHÂU ANH	05/09/2004	Nữ	014304002602	1		Sơn La	TO	7.40	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	23.65	0.75	24.40
490	29015765	TRẦN VIỆT ANH	08/08/2004	Nữ	040304020770	1		Nghệ An	TO	8.80	HO	7.25	SI	7.25	100	B00	23.30	0.75	24.05
491	30007684	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	14/11/2004	Nữ	042304002016	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.60	LI	8.00	HO	7.75	100	A00	23.35	0.50	23.85
492	34003359	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	05/01/2004	Nữ	049304008546	2		Quảng Nam	TO	8.60	LI	6.50	HO	8.25	100	A00	23.35	0.25	23.60
493	30007690	DƯƠNG ĐĂNG BẢO	03/03/2004	Nam	042204001316	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.60	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	24.10	0.50	24.60
494	27001509	ĐÌNH GIA BẢO	18/04/2004	Nam	037204002432	2NT		Ninh Bình	TO	7.60	LI	8.25	HO	7.75	100	A00	23.60	0.50	24.10
495	29016396	PHẠM VĂN BẮC	16/10/2002	Nam	040202024187	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.75	SI	6.75	100	B00	23.30	0.75	24.05
496	30011352	NGUYỄN THANH BÌNH	18/01/2004	Nữ	042304004370	2		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	7.75	SI	8.75	100	B00	24.30	0.25	24.55
497	30000079	THÁI THANH BÌNH	16/01/2004	Nữ	042304010950	2		Hà Tĩnh	TO	8.00	LI	8.25	HO	7.00	100	A00	23.25	0.25	23.50
498	29000118	THÁI ĐỨC CƯỜNG	25/10/2004	Nam	188020799	2		Nghệ An	TO	7.60	LI	8.00	HO	9.00	100	A00	24.60	0.25	24.85
499	29006122	PHAN HỮU CHÁNH	27/01/2004	Nam	040204001586	1	01	Nghệ An	TO	7.20	LI	8.25	HO	5.75	100	A00	21.20	2.75	23.95
500	28013960	HÀ THỊ LINH CHI	04/07/2004	Nữ	038304027110	1		Thanh Hoá	TO	7.80	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	22.80	0.75	23.55
501	29012665	PHAN KHÁNH CHI	14/02/2004	Nữ	040304026174	1		Nghệ An	TO	8.00	LI	7.50	HO	8.00	100	A00	23.50	0.75	24.25
502	28036805	PHAN HUYỀN DIỆU	16/02/2004	Nữ	038304021439	2NT	01	Thanh Hoá	TO	7.80	LI	7.25	HO	7.00	100	A00	22.05	2.50	24.55
503	12007666	NGUYỄN TUẤN DUY	22/09/2003	Nam	092075800	2	06	Thái Nguyên	TO	7.00	HO	8.50	SI	7.75	100	B00	23.25	1.25	24.50
504	29023872	CAO THỊ MỸ DUYÊN	12/07/2004	Nữ	040304014136	1		Nghệ An	TO	8.20	LI	7.50	HO	7.25	100	A00	22.95	0.75	23.70
505	29030697	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	29/03/2004	Nữ	040304027996	1		Nghệ An	TO	7.80	LI	7.50	HO	8.25	100	A00	23.55	0.75	24.30
506	19000511	HOÀNG ĐĂNG DƯƠNG	26/05/2004	Nam	027204004152	2		Bắc Ninh	TO	8.40	HO	7.50	SI	7.50	100	B00	23.40	0.25	23.65
507	29023162	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	26/11/2003	Nữ	040303003531	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	7.75	SI	6.50	100	B00	23.05	0.50	23.55
508	24000442	NGUYỄN THỊ THUỶ DƯƠNG	05/09/2004	Nữ	035304001256	2		Hà Nam	TO	8.40	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	23.90	0.25	24.15
509	27004041	PHẠM THỊ THUỶ DƯƠNG	15/11/2004	Nữ	037304000627	2		Ninh Bình	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	23.30	0.25	23.55
510	26017666	HÀ TUẤN ĐẠT	04/01/2004	Nam	034204008364	2NT		Thái Bình	TO	7.80	LI	7.75	HO	8.25	100	A00	23.80	0.50	24.30
511	31000498	HỒ QUỐC ĐẠT	07/01/2004	Nam	044204006638	1		Quảng Bình	TO	8.20	HO	7.50	SI	7.25	100	B00	22.95	0.75	23.70
512	28023513	LÊ VĂN ĐẠT	14/04/2004	Nam	038204017994	2NT		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	8.50	SI	7.00	100	B00	23.90	0.50	24.40
513	39007420	NGUYỄN HỮU ĐẠT	28/02/2003	Nam	054203001032	2NT		Phú Yên	TO	7.80	HO	8.50	SI	6.75	100	B00	23.05	0.50	23.55
514	30014418	NGUYỄN NGÔ ĐẠT	14/08/2004	Nam	042204004794	1		Hà Tĩnh	TO	8.40	LI	6.75	HO	8.00	100	A00	23.15	0.75	23.90
515	29002016	NGUYỄN QUANG ĐẠT	27/06/2004	Nam	040204001127	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	23.40	0.25	23.65

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
516	29022253	NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG	08/03/2002	Nam	040202019212	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	22.80	0.75	23.55
517	41005406	LÊ MINH ĐỨC	05/05/2003	Nam	056203006490	2		Khánh Hoà	TO	7.60	HO	8.00	SI	8.75	100	B00	24.35	0.25	24.60
518	33004288	NGUYỄN THỊ HỒNG GÂM	13/02/2003	Nữ	045303003980	1		Quảng Trị	TO	7.40	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	22.90	0.75	23.65
519	30017112	LÊ HÀ GIANG	07/09/2004	Nữ	042304000242	1		Hà Tĩnh	TO	7.60	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	23.35	0.75	24.10
520	29004283	NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	08/09/2003	Nữ	040303018119	2		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	24.10	0.25	24.35
521	29005660	VI THỊ GIANG	01/02/2004	Nữ	040304006543	1	01	Nghệ An	TO	7.00	HO	7.25	SI	6.75	100	B00	21.00	2.75	23.75
522	30006396	LÊ NGỌC HÀ	08/11/2003	Nữ	042303000405	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.40	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	23.40	0.50	23.90
523	02041919	LỮ THANH HÀ	18/01/2004	Nữ	060304002126	1		Bình Thuận	TO	8.40	LI	7.50	HO	8.00	100	A00	23.90	0.75	24.65
524	29026890	NGUYỄN THỊ HẢI	20/11/2004	Nữ	040304019324	2NT		Nghệ An	TO	8.60	LI	8.25	HO	8.00	100	A00	24.85	0.50	25.35
525	15007608	NGUYỄN VĂN HẢI	31/07/2003	Nam	025203005497	1		Phú Thọ	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	23.55	0.75	24.30
526	30002054	BÙI THÚY HẰNG	04/04/2004	Nữ	042304007928	1		Hà Tĩnh	TO	7.20	LI	7.25	HO	8.50	100	A00	22.95	0.75	23.70
527	29007561	HOÀNG THỊ THÚY HẰNG	01/11/2004	Nữ	040304003649	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	7.25	100	B00	23.45	0.75	24.20
528	25004831	DƯƠNG THỊ NGỌC HÂN	11/07/2004	Nữ	036304006085	2NT		Nam Định	TO	8.20	HO	7.25	SI	8.25	100	B00	23.70	0.50	24.20
529	29000255	HỒ THỊ LÊ HIỀN	12/04/2004	Nữ	040304023577	2		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	7.25	100	B00	23.70	0.25	23.95
530	29024552	NGUYỄN THỊ HIỀN	20/06/2004	Nữ	040304025520	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.50	SI	8.75	100	B00	24.25	0.50	24.75
531	02041963	PHAN NGỌC HIỀN	18/08/2004	Nữ	079304011739	3		Tp. Hồ Chí Minh	TO	8.80	HO	9.25	SI	7.00	100	B00	25.05	0.00	25.05
532	29027373	TRẦN MINH HIỆP	01/05/2004	Nam	040204023940	2NT		Nghệ An	TO	8.20	LI	8.25	HO	7.75	100	A00	24.20	0.50	24.70
533	25003632	VŨ MINH HIẾU	13/09/2004	Nam	036204002827	2NT		Nam Định	TO	8.20	LI	7.25	HO	8.50	100	A00	23.95	0.50	24.45
534	28035101	DƯƠNG MAI HOA	09/02/2004	Nữ	038304011683	2		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	8.75	SI	7.50	100	B00	24.25	0.25	24.50
535	29014939	PHAN THỊ HOÀI	16/09/2004	Nữ	040304010889	2NT		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	23.60	0.50	24.10
536	30007796	TRẦN THỊ HOÀI	12/07/2004	Nữ	042304010364	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.00	LI	8.50	HO	7.00	100	A00	23.50	0.50	24.00
537	24006011	NGUYỄN THỊ HỒNG HOÁN	15/04/2004	Nữ	035304002539	2NT		Hà Nam	TO	8.40	LI	7.25	HO	8.00	100	A00	23.65	0.50	24.15
538	28002357	ĐÀO ĐỖ HOÀNG	14/11/2004	Nam	038204004251	1	01	Thanh Hoá	TO	7.00	HO	7.25	SI	6.75	100	B00	21.00	2.75	23.75
539	26001976	ĐÀO MINH HOÀNG	25/01/2004	Nam	034204000625	2		Thái Bình	TO	9.20	LI	7.25	HO	7.25	100	A00	23.70	0.25	23.95
540	28036926	LÊ VĂN HOÀNG	03/08/2004	Nam	038204025014	2NT		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	23.40	0.50	23.90
541	29026537	HÀ QUỐC HUY	31/05/2004	Nam	040204019385	1		Nghệ An	TO	8.80	LI	7.25	HO	8.00	100	A00	24.05	0.75	24.80
542	57001600	TRỊNH VĂN HUY	19/12/2003	Nam	331947693	2		Vĩnh Long	TO	8.20	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.20	0.25	24.45
543	25006107	VŨ ĐÌNH HUY	23/05/2004	Nam	036204010744	2NT		Nam Định	TO	7.80	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	23.80	0.50	24.30
544	26013927	HOÀNG NGỌC HUYỀN	06/11/2004	Nữ	034304001137	2NT		Thái Bình	TO	8.00	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	23.75	0.50	24.25
545	29009333	HỒ THỊ HUYỀN	21/03/2004	Nữ	040304004805	1		Nghệ An	TO	7.80	LI	8.00	HO	7.25	100	A00	23.05	0.75	23.80
546	30015280	HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	06/01/2004	Nữ	042304011883	1		Hà Tĩnh	TO	8.60	LI	8.00	HO	8.00	100	A00	24.60	0.75	25.35
547	28036285	LÊ THỊ THU HUYỀN	01/11/2004	Nữ	038304020587	2NT		Thanh Hoá	TO	7.60	LI	8.00	HO	8.50	100	A00	24.10	0.50	24.60
548	29015439	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	02/10/2004	Nữ	040304013155	2NT		Nghệ An	TO	8.00	LI	8.00	HO	7.25	100	A00	23.25	0.50	23.75
549	29025631	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	29/03/2004	Nữ	040304016198	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	23.75	0.75	24.50
550	28019428	CHU THỊ THU HƯƠNG	18/08/2004	Nữ	038304008030	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	LI	8.00	HO	8.25	100	A00	24.25	0.50	24.75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
551		NGUYỄN THỊ HƯƠNG	06/12/2003	Nữ	040303020282	2		Nghệ An	TO	8.60	LI	8.75	HO	8.30	500	A00	25.65	0.25	25.90
552	24004659	TRỊNH KIM HƯỜNG	28/09/2003	Nữ	035303002938	2NT		Hà Nam	TO	8.20	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	23.70	0.50	24.20
553	36000206	VÕ QUỐC KỶ	01/03/2004	Nam	040204001779	1		Kon Tum	TO	7.80	HO	7.25	SI	7.75	100	B00	22.80	0.75	23.55
554	26015743	NGUYỄN THỊ LAN	14/09/2004	Nữ	034304003881	2NT		Thái Bình	TO	8.20	HO	7.50	SI	8.25	100	B00	23.95	0.50	24.45
555	17011061	PHẠM HOÀNG LAN	24/02/2004	Nữ	022304004222	2		Quảng Ninh	TO	7.80	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	23.30	0.25	23.55
556	30014060	PHAN THỊ LAN	21/04/2004	Nữ	042304007578	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.40	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	23.15	0.50	23.65
557	27004629	TRẦN THỊ NGỌC LAN	19/08/2003	Nữ	037303003179	2		Ninh Bình	TO	8.40	LI	8.25	HO	7.50	500	A00	24.15	0.25	24.40
558	28011609	PHẠM TÙNG LÂM	07/08/2004	Nam	038204021314	1		Thanh Hoá	TO	7.80	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	23.55	0.75	24.30
559	63004113	ĐẶNG THỊ NGỌC LINH	10/09/2004	Nữ	030304010841	1		Đắk Nông	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	22.80	0.75	23.55
560	29024078	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	26/01/2004	Nữ	040304027294	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	23.55	0.75	24.30
561	29009399	LÊ TRẦN THỊ LINH	14/01/2004	Nữ	040304011775	2NT		Nghệ An	TO	8.00	LI	8.00	HO	7.50	100	A00	23.50	0.50	24.00
562	29034121	LÔ THỊ KIỀU LINH	02/02/2004	Nữ	040304017545	1	01	Nghệ An	TO	7.20	LI	6.50	HO	7.25	100	A00	20.95	2.75	23.70
563	27001720	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	13/06/2004	Nữ	037304000304	2NT		Ninh Bình	TO	8.80	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	23.80	0.50	24.30
564	29025188	NGUYỄN THỊ LINH	13/09/2004	Nữ	040304010987	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.75	SI	6.50	100	B00	23.25	0.50	23.75
565	29006308	NGUYỄN THỊ THUY LINH	06/05/2004	Nữ	040304003123	1		Nghệ An	TO	7.60	LI	7.25	HO	8.00	100	A00	22.85	0.75	23.60
566	29030911	NGUYỄN THỊ YẾN LINH	24/06/2004	Nữ	040304017063	1		Nghệ An	TO	7.80	LI	8.50	HO	7.50	100	A00	23.80	0.75	24.55
567	30016473	PHẠM DIỆU LINH	04/05/2004	Nữ	042304004791	1		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	7.25	SI	7.50	100	B00	23.15	0.75	23.90
568	29027494	TRẦN PHƯƠNG LINH	01/08/2004	Nữ	040304025736	1		Nghệ An	TO	8.20	LI	7.00	HO	7.75	100	A00	22.95	0.75	23.70
569	29017698	TRẦN THỊ MỸ LINH	07/07/2004	Nữ	040304007445	2NT		Nghệ An	TO	8.20	LI	8.00	HO	8.00	100	A00	24.20	0.50	24.70
570	36004646	VÕ THỊ THUY LINH	10/06/2004	Nữ	062304000647	1		Kon Tum	TO	7.40	LI	7.75	HO	7.75	100	A00	22.90	0.75	23.65
571	26009576	CHU HƯƠNG LY	02/03/2004	Nữ	281343511	2NT		Thái Bình	TO	8.20	LI	8.25	HO	7.75	100	A00	24.20	0.50	24.70
572	28013639	LÊ THỊ CẨM LY	24/02/2004	Nữ	038304024522	1		Thanh Hoá	TO	7.60	HO	7.50	SI	8.50	100	B00	23.60	0.75	24.35
573	17007363	LƯƠNG CẨM LY	13/09/2004	Nữ	022304008645	2		Quảng Ninh	TO	8.60	LI	8.50	HO	7.00	100	A00	24.10	0.25	24.35
574	31002456	TRẦN KHÁNH LY	12/04/2004	Nữ	044304009524	2		Quảng Bình	TO	8.60	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	24.35	0.25	24.60
575	25010685	PHẠM THỊ LÝ	03/02/2004	Nữ	036304009425	2NT		Nam Định	TO	8.20	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	24.20	0.50	24.70
576	28037547	NGUYỄN THỊ MAI	09/01/2004	Nữ	038304018205	1		Thanh Hoá	TO	8.40	LI	8.00	HO	7.50	100	A00	23.90	0.75	24.65
577	29023418	TRẦN VĂN MẠNH	21/07/2004	Nam	040204000493	2NT		Nghệ An	TO	8.40	LI	7.00	HO	7.75	100	A00	23.15	0.50	23.65
578	63000622	NGUYỄN THỊ MÊN	20/02/2004	Nữ	040304022558	1		Đắk Nông	TO	8.20	HO	9.00	SI	6.50	100	B00	23.70	0.75	24.45
579	29002334	TRẦN THỊ HƯƠNG MƠ	26/03/2004	Nữ	040304002782	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.00	SI	7.25	100	B00	23.65	0.25	23.90
580	29031587	PHẠM THỊ TRÀ MY	19/06/2004	Nữ	040304022118	2NT		Nghệ An	TO	7.60	HO	8.50	SI	7.00	100	B00	23.10	0.50	23.60
581	29030982	TRẦN THỊ NA	01/06/2004	Nữ	040304026261	1		Nghệ An	TO	8.40	LI	8.25	HO	8.75	100	A00	25.40	0.75	26.15
582	29000518	ĐÀO ĐỨC NAM	01/01/2004	Nam	040204003557	2		Nghệ An	TO	8.20	LI	7.50	HO	9.00	100	A00	24.70	0.25	24.95
583	27000803	NGUYỄN DIỆU NINH	04/03/2004	Nữ	037304001111	1	01	Ninh Bình	TO	7.20	HO	8.50	SI	6.00	100	B00	21.70	2.75	24.45
584	19009085	NGUYỄN KHÁNH NINH	26/07/2004	Nữ	027304010903	2NT		Bắc Ninh	TO	8.60	LI	6.75	HO	7.75	100	A00	23.10	0.50	23.60
585	06000667	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	04/03/2004	Nữ	004304000790	1	01	Cao Bằng	TO	7.40	LI	7.25	HO	6.75	100	A00	21.40	2.75	24.15

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
586	28005986	NGUYỄN THỊ NGA	01/02/2004	Nữ	038304015574	2		Thanh Hoá	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.25	100	B00	24.25	0.25	24.50
587	28030934	NGUYỄN THỊ NGA	21/02/2004	Nữ	038304020028	1		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	7.75	SI	7.50	100	B00	23.65	0.75	24.40
588	30007902	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	18/02/2004	Nữ	042304001822	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	23.55	0.50	24.05
589	63001215	TRẦN THÚY NGA	29/08/2003	Nữ	067303001148	1		Đắk Nông	TO	8.40	LI	7.75	HO	7.00	100	A00	23.15	0.75	23.90
590	29025737	VÕ THỊ NGA	19/02/2004	Nữ	040304016841	1		Nghệ An	TO	8.80	LI	7.50	HO	7.75	100	A00	24.05	0.75	24.80
591	29032218	HOÀNG THỊ TÚ NGÂN	12/04/2004	Nữ	040304002662	2NT		Nghệ An	TO	8.00	LI	7.25	HO	8.75	100	A00	24.00	0.50	24.50
592	25016992	TRẦN THỊ ÁNH NGÂN	17/04/2004	Nữ	036304009678	2NT		Nam Định	TO	7.80	HO	7.75	SI	8.25	100	B00	23.80	0.50	24.30
593	29027561	NGUYỄN HỮU NGHĨA	25/08/2003	Nam	040203026292	2NT		Nghệ An	TO	7.60	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	23.10	0.50	23.60
594	29030998	HÀ HẰNG NGỌC	27/04/2004	Nữ	040304029480	1		Nghệ An	TO	8.20	LI	7.75	HO	8.00	100	A00	23.95	0.75	24.70
595	30010992	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	11/09/2004	Nữ	042304003506	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	LI	8.25	HO	8.50	100	A00	25.35	0.50	25.85
596	30010994	TRẦN VĂN NGUYÊN	22/02/2004	Nam	042204003233	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	LI	7.25	HO	8.00	100	A00	23.65	0.50	24.15
597	30001509	ĐOÀN ÁNH NGUYỆT	05/06/2004	Nữ	042304004430	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.40	LI	7.75	HO	8.50	100	A00	23.65	0.50	24.15
598	30015343	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	22/03/2004	Nữ	042304009426	1		Hà Tĩnh	TO	7.60	HO	7.75	SI	8.25	100	B00	23.60	0.75	24.35
599	29005858	TRẦN KHÁNH NHẬT	19/06/2004	Nam	040204026096	1		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.25	SI	7.50	100	B00	22.75	0.75	23.50
600	29028480	HOÀNG THỊ YẾN NHI	13/06/2004	Nữ	040304013314	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	23.75	0.50	24.25
601	29027587	LÊ THỊ YẾN NHI	28/09/2004	Nữ	040304022301	2NT		Nghệ An	TO	7.60	LI	7.75	HO	9.00	100	A00	24.35	0.50	24.85
602	25000988	NGUYỄN LINH NHI	30/03/2004	Nữ	036304002151	2		Nam Định	TO	8.40	LI	8.00	HO	7.25	100	A00	23.65	0.25	23.90
603	29033761	NGUYỄN THỊ NHI	12/02/2004	Nữ	040304008229	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	7.50	SI	7.50	100	B00	23.20	0.50	23.70
604	33004565	NGUYỄN THỊ THẢO NHI	06/03/2004	Nữ	046304006730	2		Thừa Thiên -Huế	TO	8.40	LI	6.75	HO	8.75	100	A00	23.90	0.25	24.15
605	21014743	VŨ YẾN NHI	06/04/2003	Nữ	030303003785	2NT		Hải Dương	TO	8.60	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	24.10	0.50	24.60
606	30015628	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	16/09/2004	Nữ	042304010098	1		Hà Tĩnh	TO	8.00	LI	7.50	HO	7.50	100	A00	23.00	0.75	23.75
607	29018429	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	27/11/2004	Nữ	040304006963	2NT		Nghệ An	TO	8.20	LI	7.50	HO	8.25	100	A00	23.95	0.50	24.45
608	39002763	TÔNG THỊ HUỲNH NHƯ	08/06/2004	Nữ	054304007361	1		Phú Yên	TO	8.60	LI	7.00	HO	8.00	100	A00	23.60	0.75	24.35
609	25012188	NGUYỄN KIM OANH	20/09/2004	Nữ	036304000642	2NT		Nam Định	TO	7.40	HO	8.00	SI	8.50	100	B00	23.90	0.50	24.40
610	29002451	BÙI NGUYỄN LÂM PHƯƠNG	30/07/2004	Nữ	040304002701	2		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	23.30	0.25	23.55
611	26007651	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	22/01/2003	Nữ	034303003515	2NT		Thái Bình	TO	7.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	23.85	0.50	24.35
612	29006935	NGUYỄN TRẦN THANH PHƯƠNG	09/08/2004	Nữ	040304005894	1		Nghệ An	TO	8.40	HO	7.00	SI	7.50	100	B00	22.90	0.75	23.65
613	25017062	PHẠM MINH PHƯƠNG	24/06/2003	Nữ	036303009752	2NT		Nam Định	TO	7.80	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	23.30	0.50	23.80
614	29011392	VŨ DUY QUANG	30/09/2004	Nam	040204024704	2NT		Nghệ An	TO	8.80	LI	7.25	HO	8.25	100	A00	24.30	0.50	24.80
615	29029610	HOÀNG THỊ QUỲNH	23/08/2004	Nữ	040304008882	2NT		Nghệ An	TO	8.60	LI	7.25	HO	7.75	100	A00	23.60	0.50	24.10
616	63003747	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	11/09/2003	Nữ	067303001889	1		Đắk Nông	TO	7.80	LI	7.25	HO	8.25	100	A00	23.30	0.75	24.05
617	29014226	NGUYỄN THỊ QUỲNH	19/09/2002	Nữ	040302011616	1	01	Nghệ An	TO	7.80	HO	7.75	SI	7.25	100	B00	22.80	2.75	25.55
618	29028536	TRƯƠNG THỊ SEN	02/05/2004	Nữ	040304018689	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	23.40	0.50	23.90
619	35006719	TRẦN THỊ SƯƠNG	12/02/2004	Nữ	051304011954	2NT		Quảng Ngãi	TO	7.60	HO	8.25	SI	8.00	100	B00	23.85	0.50	24.35
620	29033505	DƯƠNG THỊ THANH TÂM	09/05/2004	Nữ	040304010996	2NT		Nghệ An	TO	7.80	LI	7.50	HO	8.75	100	A00	24.05	0.50	24.55

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
621	29031684	LÊ MINH TÂM	03/03/2004	Nữ	040304022108	2NT		Nghệ An	TO	8.60	LI	8.00	HO	7.00	100	A00	23.60	0.50	24.10
622	25015184	PHÙNG THỊ THANH TÂM	04/04/2004	Nữ	036304008155	2NT		Nam Định	TO	8.20	LI	7.25	HO	8.75	100	A00	24.20	0.50	24.70
623	30013101	HOÀNG NGỌC TIỀN	06/05/2004	Nam	042204003099	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.80	HO	6.75	SI	7.50	100	B00	23.05	0.50	23.55
624	29002632	NGUYỄN NGỌC TIỆP	26/02/2004	Nam	040204019914	2		Nghệ An	TO	8.00	LI	7.75	HO	7.75	100	A00	23.50	0.25	23.75
625	28036669	LÊ ANH TUẤN	14/06/2004	Nam	038204026713	2NT		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	8.50	SI	7.25	100	B00	24.15	0.50	24.65
626	24006845	NGUYỄN QUỐC TUẤN	26/03/2003	Nam	035203004812	2NT		Hà Nam	TO	8.20	LI	6.75	HO	8.25	100	A00	23.20	0.50	23.70
627	28006142	NGUYỄN THỊ THÁI	05/09/2004	Nữ	038304008205	2		Thanh Hoá	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	23.80	0.25	24.05
628		BÙI THỊ THANH	02/09/2003	Nữ	040303023095	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	7.75	SI	7.75	500	B00	24.10	0.75	24.85
629	04005092	NGUYỄN HỒNG THANH	12/01/2004	Nữ	048304002974	3		Đà Nẵng	TO	8.20	HO	8.75	SI	6.75	100	B00	23.70	0.00	23.70
630	30009135	PHẠM THỊ THANH	28/04/2004	Nữ	042304004714	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.40	HO	7.75	SI	8.00	100	B00	23.15	0.50	23.65
631	29005951	NGUYỄN TẤT THÀNH	04/09/2004	Nam	040204007860	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	23.95	0.75	24.70
632	17003106	BÙI THỊ THU THẢO	23/01/2003	Nữ	022303003301	2NT		Quảng Ninh	TO	7.60	LI	8.00	HO	8.25	100	A00	23.85	0.50	24.35
633	35000762	ĐÌNH THỊ THU THẢO	03/03/2004	Nữ	051304007380	2NT		Quảng Ngãi	TO	8.60	HO	7.50	SI	7.25	100	B00	23.35	0.50	23.85
634	25005782	ĐÌNH TRẦN THANH THẢO	23/03/2004	Nữ	036304008510	2NT		Nam Định	TO	8.20	HO	7.50	SI	8.25	100	B00	23.95	0.50	24.45
635	22000777	LÃ THỊ THU THẢO	06/09/2004	Nữ	033304007353	2		Hưng Yên	TO	8.60	LI	7.25	HO	8.00	100	A00	23.85	0.25	24.10
636	28011861	NGUYỄN THANH THẢO	19/06/2004	Nữ	038304018945	1		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	7.50	SI	8.25	100	B00	23.95	0.75	24.70
637	28010401	NGUYỄN THỊ THU THẢO	29/01/2004	Nữ	038304007308	1		Thanh Hoá	TO	7.60	HO	7.25	SI	8.25	100	B00	23.10	0.75	23.85
638	30017305	PHÙNG THỊ THẨM	20/06/2004	Nữ	042304000257	1		Hà Tĩnh	TO	7.20	HO	7.75	SI	8.50	100	B00	23.45	0.75	24.20
639	28017743	HÀ THỊ THU	07/09/2004	Nữ	038304007779	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	24.20	0.50	24.70
640	29028185	NGUYỄN THỊ THỦY	27/01/2004	Nữ	040304025203	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.50	SI	7.50	100	B00	23.80	0.50	24.30
641	29013754	HÀ THỊ THU THỦY	05/07/2004	Nữ	040304003493	1		Nghệ An	TO	8.20	LI	8.00	HO	7.75	100	A00	23.95	0.75	24.70
642	29028581	NGUYỄN NHƯ THỦY	18/02/2003	Nữ	040303006977	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	7.50	SI	7.25	100	B00	23.15	0.50	23.65
643	30009828	TRẦN THỊ THU THỦY	21/09/2004	Nữ	042304005444	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	8.00	SI	7.25	100	B00	23.65	0.50	24.15
644	26014856	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	29/04/2004	Nữ	034204001137	2NT		Thái Bình	TO	8.00	HO	7.75	SI	7.25	100	B00	23.00	0.50	23.50
645	29035239	VÕ NGỌC THUYỀN	17/05/2004	Nữ	040304016373	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.50	SI	7.75	100	B00	23.25	0.25	23.50
646	29001687	LÊ THỊ QUỲNH THƯ	11/10/2004	Nữ	040304002958	2		Nghệ An	TO	8.40	LI	7.25	HO	8.00	100	A00	23.65	0.25	23.90
647	29032377	HOÀNG THỊ HOÀI THƯƠNG	09/05/2004	Nữ	040304012972	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	7.50	SI	7.50	100	B00	23.20	0.50	23.70
648	29021043	HOÀNG THỊ THƯƠNG	16/05/2004	Nữ	040304018395	2NT		Nghệ An	TO	8.20	LI	8.50	HO	7.75	100	A00	24.45	0.50	24.95
649	30005230	LÊ THỊ HUYỀN THƯƠNG	10/05/2004	Nữ	042304001383	2		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	23.80	0.25	24.05
650	29001697	PHẠM HIỀN THƯƠNG	18/11/2004	Nữ	040304002945	2		Nghệ An	TO	8.00	LI	8.75	HO	7.75	100	A00	24.50	0.25	24.75
651	29027749	TRẦN THỊ THƯƠNG	12/07/2004	Nữ	040304011701	2NT		Nghệ An	TO	9.20	LI	7.00	HO	7.75	100	A00	23.95	0.50	24.45
652	25009040	VŨ THỊ HOÀI THƯƠNG	18/03/2004	Nữ	036304005372	2NT		Nam Định	TO	7.80	LI	7.50	HO	8.25	100	A00	23.55	0.50	24.05
653	29027767	DƯƠNG THỊ THỦY TRANG	06/06/2004	Nữ	040304023282	2NT		Nghệ An	TO	8.00	LI	8.00	HO	7.75	100	A00	23.75	0.50	24.25
654	29004729	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	19/05/2003	Nữ	187994481	2		Nghệ An	TO	8.60	HO	7.75	SI	7.75	100	B00	24.10	0.25	24.35
655	29025372	ĐẶNG THỊ TRANG	08/07/2004	Nữ	040304021171	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	8.00	SI	7.75	100	B00	23.15	0.50	23.65

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm U'T quy đổi	Điểm trúng tuyển
656	28029363	MAI THỊ THU TRANG	11/09/2003	Nữ	038303005495	2NT		Thanh Hoá	TO	8.00	LI	7.75	HO	7.75	100	A00	23.50	0.50	24.00
657	15008460	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	15/09/2004	Nữ	025304009960	2NT		Phú Thọ	TO	8.20	HO	8.50	SI	6.75	100	B00	23.45	0.50	23.95
658	30009201	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	03/11/2004	Nữ	042304010532	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.80	HO	7.75	SI	7.25	100	B00	23.80	0.50	24.30
659	30008061	NGUYỄN THỊ TRANG	05/04/2004	Nữ	042304001860	2NT		Hà Tĩnh	TO	6.80	LI	8.50	HO	8.00	100	A00	23.30	0.50	23.80
660	29006547	PHẠM THỊ TRANG	18/03/2004	Nữ	040304003091	1		Nghệ An	TO	7.00	LI	8.25	HO	7.75	100	A00	23.00	0.75	23.75
661	29025383	TRẦN THỊ TRANG	15/03/2004	Nữ	040304025893	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.50	SI	7.25	100	B00	23.55	0.50	24.05
662	30004547	NGUYỄN THỊ TRÂM	13/04/2004	Nữ	042304008463	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	LI	7.75	HO	7.50	100	A00	23.85	0.50	24.35
663	29015217	TRẦN THỊ TRÂM	31/08/2004	Nữ	040304023936	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.75	SI	6.50	100	B00	23.05	0.50	23.55
664	28034817	TRẦN VIỆT TRINH	21/04/2003	Nữ	038303021630	1		Thanh Hoá	TO	7.80	HO	8.00	SI	7.50	100	B00	23.30	0.75	24.05
665	30015440	PHẠM THỊ THANH TRÚC	04/05/2004	Nữ	042304008094	1		Hà Tĩnh	TO	7.80	LI	7.75	HO	7.75	100	A00	23.30	0.75	24.05
666	01039712	ĐÀO TÔ UYÊN	24/12/2004	Nữ	001304019439	2		Hà Nội	TO	8.40	LI	8.75	HO	7.00	100	A00	24.15	0.25	24.40
667	25009833	NGUYỄN THU UYÊN	02/01/2004	Nữ	036304014404	2NT		Nam Định	TO	7.60	LI	7.25	HO	8.25	100	A00	23.10	0.50	23.60
668	29000936	VÕ THỊ TÚ UYÊN	10/02/2004	Nữ	040304011852	2		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	23.60	0.25	23.85
669	30005359	LƯU THỊ HẢI YÊN	20/04/2004	Nữ	042304001128	2		Hà Tĩnh	TO	7.20	HO	8.25	SI	8.25	100	B00	23.70	0.25	23.95
670	26011964	NGUYỄN THỊ YÊN	23/11/2003	Nữ	034303012543	2NT		Thái Bình	TO	7.40	LI	7.25	HO	8.50	100	A00	23.15	0.50	23.65
671	28037314	NGUYỄN THỊ YÊN	25/10/2004	Nữ	038304025786	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	LI	8.75	HO	7.75	100	A00	24.70	0.50	25.20
IV. NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG (134 thí sinh)																			
672	29033168	ĐẬU NGỌC AN	23/02/2004	Nam	040204018081	2NT		Nghệ An	TO	6.40	HO	6.75	SI	6.75	100	B00	19.90	0.50	20.40
673	29022111	ĐẶNG HÙNG ANH	30/10/2004	Nam	040204006702	1		Nghệ An	TO	7.60	HO	6.75	SI	6.75	100	B00	21.10	0.75	21.85
674	30013175	HOÀNG LÊ TÚ ANH	21/06/2004	Nữ	042304004982	1		Hà Tĩnh	TO	8.00	HO	6.75	SI	7.00	100	B00	21.75	0.75	22.50
675	26015361	HOÀNG TUẤN ANH	17/08/2004	Nam	034204002093	2NT		Thái Bình	TO	7.40	HO	6.50	SI	5.00	100	B00	18.90	0.50	19.40
676	28008381	LÊ THỊ NGỌC ANH	14/02/2004	Nữ	038304024161	1		Thanh Hoá	TO	7.50	HO	8.00	SI	8.00	200	B00	23.50	0.75	24.25
677	29027183	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	02/09/2004	Nữ	040304026687	2NT		Nghệ An	TO	8.10	HO	7.30	SI	8.10	200	B00	23.50	0.50	24.00
678	28009797	ĐOÀN THỊ ÁNH	01/09/2004	Nữ	038304004275	1		Thanh Hoá	TO	7.20	HO	7.75	SI	6.00	100	B00	20.95	0.75	21.70
679	29027207	NGUYỄN THỊ ÁNH	26/10/2004	Nữ	040304023273	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.20	SI	8.10	200	B00	23.30	0.50	23.80
680	29027226	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	05/09/2004	Nữ	040304013521	2NT		Nghệ An	TO	8.30	HO	8.50	SI	7.60	200	B00	24.40	0.50	24.90
681	29026833	LÔ THUỶ BÌNH	12/02/2004	Nữ	040304014971	1	01	Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	7.40	200	B00	23.40	2.75	26.15
682	29001916	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	01/06/2004	Nữ	040304002697	2		Nghệ An	TO	7.00	HO	6.75	SI	7.50	100	B00	21.25	0.25	21.50
683	30000827	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	09/01/2004	Nữ	042304005127	1		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	7.00	SI	4.50	100	B00	19.30	0.75	20.05
684	29013249	TRẦN NGUYỄN TÂM CHÂU	05/10/2004	Nữ	040304003173	1		Nghệ An	TO	7.00	HO	6.00	SI	5.50	100	B00	18.50	0.75	19.25
685	29006124	VI THỊ NGỌC CHÂU	15/08/2004	Nữ	040304016636	1	01	Nghệ An	TO	7.40	HO	6.00	SI	5.25	100	B00	18.65	2.75	21.40
686		HOÀNG THỊ KIM DUNG	23/10/2002	Nữ	040302008751	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	8.60	SI	7.80	200	B00	25.20	0.50	25.70
687	29029807	NGUYỄN TÂN DŨNG	25/10/2004	Nam	040204002909	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	7.00	SI	7.00	100	B00	22.80	0.50	23.30
688	29016432	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	01/07/2003	Nữ	040303004979	1		Nghệ An	TO	7.40	HO	6.50	SI	6.25	100	B00	20.15	0.75	20.90
689	29014467	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	01/12/2004	Nữ	040304027472	1		Nghệ An	TO	8.30	HO	8.30	SI	8.60	200	B00	25.20	0.75	25.95

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
690		LÔ THẢO ĐAN	30/11/2003	Nữ	040303000729	1	01	Nghệ An	TO	6.90	HO	8.10	SI	7.20	200	B00	22.20	2.75	24.95
691	29004275	VŨ Y ĐỖ	29/05/2004	Nữ	040304026943	1	01	Nghệ An	TO	7.40	HO	6.75	SI	5.25	100	B00	19.40	2.75	22.15
692	29027326	NGUYỄN THỊ GIANG	18/06/2004	Nữ	040304029635	2NT	06	Nghệ An	TO	8.30	HO	7.20	SI	8.40	200	B00	23.90	1.50	25.40
693	29022798	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	01/11/2004	Nữ	040304025969	1		Nghệ An	TO	7.30	HO	8.50	SI	6.80	200	B00	22.60	0.75	23.35
694	29020543	TRƯƠNG THỊ TRÀ GIANG	16/03/2003	Nữ	040303012095	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	6.50	SI	7.25	100	B00	21.55	0.50	22.05
695	29005662	LANG VĂN GIÁP	09/01/2004	Nam	040204010702	1	01	Nghệ An	TO	5.60	HO	6.00	SI	5.75	100	B00	17.35	2.75	20.10
696	22010642	NGUYỄN THỊ HÀ	26/09/2004	Nữ	033304003746	2		Hung Yên	TO	7.80	HO	6.50	SI	5.25	100	B00	19.55	0.25	19.80
697	29010569	PHẠM THỊ VIỆT HÀ	02/09/2004	Nữ	040304006519	1		Nghệ An	TO	7.00	HO	6.25	SI	7.00	100	B00	20.25	0.75	21.00
698	14006233	PHẠM THU HÀ	27/11/2004	Nữ	014304000184	1		Sơn La	TO	8.10	HO	7.10	SI	8.00	200	B00	23.20	0.75	23.95
699	29027342	TRẦN THỊ THU HÀ	10/01/2004	Nữ	040304012161	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	7.50	SI	6.50	100	B00	21.40	0.50	21.90
700	29022808	NGUYỄN HÀ CHÂU	01/06/2004	Nữ	040304005840	1		Nghệ An	TO	7.00	HO	8.50	SI	7.20	200	B00	22.70	0.75	23.45
701	40005623	TRẦN THỊ MAI HẢI	27/09/2004	Nữ	038304023750	1		Đắk Lắk	TO	7.80	HO	5.50	SI	5.00	100	B00	18.30	0.75	19.05
702	29027362	VÕ THỊ HẰNG	23/10/2004	Nữ	040304010739	2NT		Nghệ An	TO	8.50	HO	7.70	SI	7.70	200	B00	23.90	0.50	24.40
703	14006255	PHẠM THỊ AN HẬU	14/03/2004	Nữ	014304001839	1		Sơn La	TO	8.40	HO	8.80	SI	8.50	200	B00	25.70	0.75	26.45
704	29034015	VỊ THỊ HỒNG HẬU	11/02/2004	Nữ	040304010870	1	01	Nghệ An	TO	4.20	HO	7.50	SI	4.75	100	B00	16.45	2.75	19.20
705	29033680	NGUYỄN THỊ HIỀN	01/01/2004	Nữ	040304016917	2NT		Nghệ An	TO	7.60	HO	7.50	SI	7.00	100	B00	22.10	0.50	22.60
706	29011139	VŨ THU HIỀN	18/04/2004	Nữ	040304014801	2NT		Nghệ An	TO	8.70	HO	8.00	SI	8.30	200	B00	25.00	0.50	25.50
707	29026119	NGUYỄN HỮU HÙNG	11/11/2004	Nam	040204020024	1		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.00	SI	6.50	100	B00	22.70	0.75	23.45
708	30006461	ĐOÀN THỊ KHÁNH HUYỀN	21/03/2004	Nữ	042304001695	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.40	HO	6.00	SI	6.00	100	B00	19.40	0.50	19.90
709	29019940	HỒ THỊ HUYỀN	27/05/2004	Nữ	040304017933	2NT		Nghệ An	TO	9.50	HO	9.70	SI	9.10	200	B00	28.30	0.50	28.80
710	28009850	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	13/05/2004	Nữ	038304004268	1		Thanh Hoá	TO	8.40	HO	8.70	SI	9.00	200	B00	26.10	0.75	26.85
711	29026130	NGUYỄN THỊ MAI HUYỀN	26/05/2004	Nữ	040304014739	1		Nghệ An	TO	6.60	HO	6.25	SI	6.25	100	B00	19.10	0.75	19.85
712	29035020	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	11/02/2003	Nữ	187856656	1		Nghệ An	TO	7.70	HO	8.50	SI	8.10	200	B00	24.30	0.75	25.05
713	29026132	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	19/02/2004	Nữ	040304013428	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	9.00	SI	8.80	200	B00	26.40	0.75	27.15
714	29027444	VÕ NHƯ HUYỀN	25/04/2004	Nữ	040304012890	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.00	SI	6.00	100	B00	21.00	0.50	21.50
715	26018565	BÙI THỊ QUỲNH HƯƠNG	18/06/2004	Nữ	034304005463	2NT		Thái Bình	TO	6.60	HO	6.50	SI	5.50	100	B00	18.60	0.50	19.10
716		HÀ THỊ MAI HƯƠNG	28/08/1999	Nữ	006199002632	1	01	Bắc Kạn	TO	6.30	HO	7.10	SI	7.30	200	B00	20.70	2.75	23.45
717	29034567	LÊ THU HƯỜNG	01/07/2004	Nữ	040304004094	2		Nghệ An	TO	7.70	HO	7.90	SI	7.30	200	B00	22.90	0.25	23.15
718	29013459	BÙI ĐỨC KHUYẾN	17/11/2004	Nam	040204017451	1		Nghệ An	TO	7.40	HO	5.75	SI	7.50	100	B00	20.65	0.75	21.40
719	29032139	TRẦN THỊ LAM	02/04/2004	Nữ	040304023714	2NT		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.00	SI	8.10	200	B00	24.50	0.50	25.00
720	30010898	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	27/01/2004	Nữ	042304000519	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.60	HO	6.00	SI	5.25	100	B00	18.85	0.50	19.35
721	29019986	VŨ THỊ TUYẾT LAN	23/08/2004	Nữ	040304013245	2NT		Nghệ An	TO	9.30	HO	8.60	SI	9.10	200	B00	27.00	0.50	27.50
722	30006491	LÊ THỊ LÀNH	20/05/2004	Nữ	042304001646	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	8.75	SI	7.75	100	B00	25.10	0.50	25.60
723	29026953	NÔNG ĐỨC LÂM	26/02/2004	Nam	040204018292	1	01	Nghệ An	TO	6.30	HO	7.60	SI	7.00	200	B00	20.90	2.75	23.65
724	29035989	HOÀNG ĐÌNH KHÁNH LINH	24/09/2004	Nữ	040304023243	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	8.30	200	B00	24.30	0.25	24.55

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
725	29028404	HOÀNG NGỌC LINH	22/09/2004	Nữ	040304012048	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	7.75	SI	4.75	100	B00	19.90	0.50	20.40
726		HOÀNG THỊ LINH	08/03/2003	Nữ	040303012936	1		Nghệ An	TO	7.50	HO	7.70	SI	8.30	200	B00	23.50	0.75	24.25
727	29011238	HỒ THỊ DIỆU LINH	12/06/2004	Nữ	040304024033	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	7.70	SI	7.70	200	B00	23.20	0.50	23.70
728	29010057	HỒ THỊ MỸ LINH	16/04/2004	Nữ	040304008419	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	7.00	200	B00	23.70	0.50	24.20
729	30003213	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	10/12/2004	Nữ	042304003978	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.40	HO	7.00	SI	6.50	100	B00	21.90	0.50	22.40
730	29032158	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	19/05/2004	Nữ	040304016107	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	7.90	200	B00	23.90	0.50	24.40
731	29033371	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	17/11/2004	Nữ	040304016466	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	7.75	SI	5.25	100	B00	21.20	0.50	21.70
732	29001369	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	24/03/2004	Nữ	040304003868	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.10	SI	8.10	200	B00	24.20	0.25	24.45
733	29036570	TRẦN THỊ LOAN	21/11/2003	Nữ	040303021178	2		Nghệ An	TO	8.70	HO	8.40	SI	8.30	200	B00	25.40	0.25	25.65
734	29032178	LÊ THỊ KHÁNH LY	23/06/2004	Nữ	040304020309	2NT		Nghệ An	TO	7.00	HO	7.25	SI	4.75	100	B00	19.00	0.50	19.50
735	29005799	NGUYỄN QUỲNH MAI	23/12/2004	Nữ	040304008917	1		Nghệ An	TO	7.40	HO	8.10	SI	7.90	200	B00	23.40	0.75	24.15
736	29021478	PHAN THỊ MAI	18/10/2004	Nữ	040304008014	2NT		Nghệ An	TO	6.80	HO	6.50	SI	5.25	100	B00	18.55	0.50	19.05
737	29008084	VŨ THỊ PHƯƠNG MAI	09/10/2004	Nữ	040304003575	1		Nghệ An	TO	6.50	HO	8.80	SI	9.40	200	B00	24.70	0.75	25.45
738	29001403	NGUYỄN HẢI ĐỨC MẠNH	02/01/2003	Nam	040203010702	2		Nghệ An	TO	6.10	HO	8.70	SI	8.60	200	B00	23.40	0.25	23.65
739	29004351	VÌ THỊ MẠNH	09/10/2004	Nữ	040304016826	1	01	Nghệ An	TO	5.80	HO	6.00	SI	4.75	100	B00	16.55	2.75	19.30
740	29010116	NGÔ THỊ MINH	09/03/2004	Nữ	040304012974	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	7.80	SI	7.50	200	B00	23.50	0.50	24.00
741		NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	23/02/2003	Nữ	066303001910	1		Gia Lai	TO	7.70	HO	7.40	SI	7.40	200	B00	22.50	0.75	23.25
742		ĐẶNG THỊ NGỌC	09/09/2003	Nữ	001303045856	2		Hà Nội	TO	8.20	HO	8.50	SI	8.60	200	B00	25.30	0.25	25.55
743	29011877	KHA ÁNH NGỌC	17/08/2004	Nữ	040304020100	1	01	Nghệ An	TO	6.60	HO	7.25	SI	6.50	100	B00	20.35	2.75	23.10
744	29005849	VŨ THỊ NGỌC	23/05/2004	Nữ	040304019824	1		Nghệ An	TO	7.60	HO	7.70	SI	8.40	200	B00	23.70	0.75	24.45
745	63003076	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	28/04/2004	Nữ	044304003322	1		Đắk Nông	TO	8.60	HO	7.75	SI	7.50	100	B00	23.85	0.75	24.60
746	30007916	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	05/04/2004	Nữ	064304001217	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.70	HO	8.10	SI	7.80	200	B00	23.60	0.50	24.10
747	29001488	TRỊNH THANH NHÃ	18/03/2004	Nữ	040304002966	2		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.40	SI	7.50	200	B00	24.90	0.25	25.15
748	29001499	HÀ PHAN YẾN NHI	24/10/2004	Nữ	042304010557	2		Nghệ An	TO	7.10	HO	9.10	SI	9.00	200	B00	25.20	0.25	25.45
749	29000570	HOÀNG THỊ LÂM NHI	10/01/2004	Nữ	040304003949	2		Nghệ An	TO	8.90	HO	9.20	SI	8.70	200	B00	26.80	0.25	27.05
750	29006922	PHAN THỊ YẾN NHI	04/12/2004	Nữ	040304006492	1		Nghệ An	TO	6.80	HO	7.75	SI	5.25	100	B00	19.80	0.75	20.55
751	31003052	TƯỜNG KHÁNH NHI	02/09/2004	Nữ	044304009715	2NT		Quảng Bình	TO	6.40	HO	7.25	SI	6.00	100	B00	19.65	0.50	20.15
752	29005866	VÌ HÀ NHI	31/07/2004	Nữ	040304006564	1	01	Nghệ An	TO	8.80	HO	8.50	SI	8.60	200	B00	25.90	2.75	28.65
753	29015070	TRẦN CẨM NHUNG	14/02/2004	Nữ	188016576	2NT		Nghệ An	TO	8.70	HO	9.40	SI	9.30	200	B00	27.40	0.50	27.90
754	29033455	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	09/08/2004	Nữ	040304002499	2NT		Nghệ An	TO	7.20	HO	7.75	SI	5.25	100	B00	20.20	0.50	20.70
755	29027030	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	08/10/2004	Nữ	040304020105	2NT		Nghệ An	TO	7.10	HO	7.70	SI	7.90	200	B00	22.70	0.50	23.20
756	29027612	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	17/12/2004	Nữ	040304017012	2NT		Nghệ An	TO	7.20	HO	7.75	SI	6.75	100	B00	21.70	0.50	22.20
757	29029095	NGUYỄN HỒNG QUANG	11/01/2004	Nam	040204006067	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	7.25	SI	4.50	100	B00	19.55	0.50	20.05
758		HỒ THỊ QUỲNH	20/05/1997	Nữ	040197019756	2NT		Nghệ An	TO	9.20	HO	7.70	SI	8.20	200	B00	25.10	0.50	25.60
759	29032298	PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	13/09/2004	Nữ	040304016334	2NT		Nghệ An	TO	8.80	HO	7.75	SI	5.50	100	B00	22.05	0.50	22.55

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
760	29004424	LÂU Y SÊNH	30/04/2004	Nữ	040304021596	1	01	Nghệ An	TO	8.20	HO	7.00	SI	7.00	100	B00	22.20	2.75	24.95
761	29027067	LÔ THỊ LINH TÂM	22/01/2004	Nữ	040304016161	1	01	Nghệ An	TO	7.50	HO	7.60	SI	7.80	200	B00	22.90	2.75	25.65
762	29029151	HOÀNG ĐÌNH TÂN	10/02/2004	Nam	040204002373	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.50	SI	7.25	100	B00	23.95	0.50	24.45
763	28007900	DƯƠNG HOÀNG TUÂN	08/11/2004	Nam	038204011580	1		Thanh Hoá	TO	7.00	HO	7.50	SI	4.25	100	B00	18.75	0.75	19.50
764	29004748	LÔ THỊ TUYẾT	02/01/2004	Nữ	040304000011	1	01	Nghệ An	TO	8.80	HO	6.25	SI	6.50	100	B00	21.55	2.75	24.30
765	29020353	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	18/03/2004	Nữ	040304013278	2NT		Nghệ An	TO	7.20	HO	7.50	SI	6.25	100	B00	20.95	0.50	21.45
766	29028227	TRẦN THỊ TUYẾT	22/04/2004	Nữ	040304021577	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	8.00	SI	7.00	100	B00	22.40	0.50	22.90
767	01031073	LÊ TIỀN THÀNH	24/11/2004	Nam	001204023509	3		Hà Nội	TO	7.20	HO	7.00	SI	5.00	100	B00	19.20	0.00	19.20
768		LÔ THỊ MAI THAO	05/11/2003	Nữ	040303003772	1	01	Nghệ An	TO	7.30	HO	8.30	SI	7.60	200	B00	23.20	2.75	25.95
769	30002341	HOÀNG THỊ THẢO	06/05/2004	Nữ	042304009683	1		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	7.80	SI	8.00	200	B00	24.00	0.75	24.75
770	29011483	HỒ THỊ PHƯƠNG THẢO	14/09/2004	Nữ	040304020212	2NT		Nghệ An	TO	8.10	HO	8.90	SI	7.70	200	B00	24.70	0.50	25.20
771	29027692	LÊ THỊ THẢO	01/03/2003	Nữ	040303015427	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	7.00	SI	7.25	100	B00	21.65	0.50	22.15
772	28009913	NGUYỄN THỊ THU THẢO	06/02/2004	Nữ	038304004278	1		Thanh Hoá	TO	8.50	HO	8.80	SI	9.00	200	B00	26.30	0.75	27.05
773	29020248	PHẠM THỊ THIÊN	05/01/2004	Nữ	040304007052	2NT		Nghệ An	TO	9.40	HO	8.70	SI	8.70	200	B00	26.80	0.50	27.30
774	30002355	PHAN THỊ QUỲNH THƠ	19/06/2004	Nữ	042304003554	1		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	8.10	SI	8.20	200	B00	24.10	0.75	24.85
775	18015226	ĐỖ THỊ THỜI	14/10/2004	Nữ	024304001676	2NT		Bắc Giang	TO	7.20	HO	7.00	SI	7.50	100	B00	21.70	0.50	22.20
776	28029329	VŨ THỊ THƠM	13/11/2004	Nữ	038304024852	2NT		Thanh Hoá	TO	8.20	HO	7.75	SI	4.50	100	B00	20.45	0.50	20.95
777	29024873	NGUYỄN THỊ THUỶ	18/11/2004	Nữ	040304029522	2NT		Nghệ An	TO	6.40	HO	9.00	SI	7.50	100	B00	22.90	0.50	23.40
778	29036262	NGUYỄN THỊ THÙY	29/02/2004	Nữ	040304024730	2		Nghệ An	TO	6.60	HO	6.75	SI	6.00	100	B00	19.35	0.25	19.60
779	29033118	DƯƠNG THỊ THÙY	08/01/2004	Nữ	040304004037	2NT		Nghệ An	TO	7.60	HO	8.50	SI	5.75	100	B00	21.85	0.50	22.35
780	29021039	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	19/10/2004	Nữ	040304007175	1		Nghệ An	TO	8.40	HO	7.25	SI	6.75	100	B00	22.40	0.75	23.15
781	63005926	NGUYỄN THỊ ÚY THƯƠNG	20/02/2004	Nữ	245477261	1		Đắk Nông	TO	8.50	HO	6.50	SI	8.10	200	B00	23.10	0.75	23.85
782	29010306	TÔ THỊ HOÀI THƯƠNG	23/12/2004	Nữ	040304008392	2NT		Nghệ An	TO	7.00	HO	7.80	SI	8.20	200	B00	23.00	0.50	23.50
783	29028597	HOÀNG THỊ THANH TRÀ	08/12/2004	Nữ	040304015184	2NT		Nghệ An	TO	8.30	HO	8.30	SI	6.90	200	B00	23.50	0.50	24.00
784	29008206	HỒ THỊ TRÀ	15/08/2004	Nữ	040304003567	1		Nghệ An	TO	8.70	HO	7.60	SI	7.60	200	B00	23.90	0.75	24.65
785	30015429	NGUYỄN THANH TRÀ	08/07/2004	Nữ	042204007263	1		Hà Tĩnh	TO	7.10	HO	7.80	SI	7.50	200	B00	22.40	0.75	23.15
786	30011187	ĐÀO THỊ TRANG	20/07/2004	Nữ	042304003426	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.40	HO	7.25	SI	4.25	100	B00	18.90	0.50	19.40
787	29021762	ĐOÀN THỊ THU TRANG	25/09/2004	Nữ	040304016647	2NT		Nghệ An	TO	7.50	HO	7.30	SI	7.90	200	B00	22.70	0.50	23.20
788	29002654	HOÀNG LÊ TRANG	05/07/2003	Nữ	038303035288	2		Nghệ An	TO	7.40	HO	7.20	SI	8.60	200	B00	23.20	0.25	23.45
789	29008212	LÊ HUYỀN TRANG	19/10/2004	Nữ	040304011531	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	5.50	SI	8.25	100	B00	21.55	0.75	22.30
790	29007030	LÊ HUYỀN TRANG	15/04/2004	Nữ	040304004711	1		Nghệ An	TO	8.10	HO	8.30	SI	8.90	200	B00	25.30	0.75	26.05
791	29010342	LÊ THỊ THÙY TRANG	15/09/2004	Nữ	040304022525	2NT		Nghệ An	TO	8.10	HO	8.40	SI	7.70	200	B00	24.20	0.50	24.70
792	30006223	TRẦN DƯƠNG HUYỀN TRANG	13/11/2004	Nữ	042304001452	2		Hà Tĩnh	TO	8.20	HO	8.30	SI	8.60	200	B00	25.10	0.25	25.35
793	29032889	VÕ TRẦN HUYỀN TRANG	21/10/2004	Nữ	040304026637	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	7.50	SI	6.00	100	B00	21.70	0.50	22.20
794	29027123	LƯƠNG THỊ HUYỀN TRÂM	15/11/2004	Nữ	040304011882	1	01	Nghệ An	TO	6.60	HO	7.40	SI	7.80	200	B00	21.80	2.75	24.55

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
795	28018725	TRẦN BẢO TRẦN	08/09/2004	Nữ	038304025961	2NT		Thanh Hoá	TO	7.40	HO	7.50	SI	6.75	100	B00	21.65	0.50	22.15
796	28013373	PHẠM QUANG TRƯỜNG	23/07/2004	Nam	038204028327	1		Thanh Hoá	TO	7.60	HO	6.50	SI	5.25	100	B00	19.35	0.75	20.10
797	29016337	PHẠM THỊ TÔ UYÊN	01/02/2004	Nữ	040304022081	1		Nghệ An	TO	7.40	HO	7.50	SI	7.25	100	B00	22.15	0.75	22.90
798	17001907	HOÀNG THÚY VÂN	06/12/2003	Nữ	022303008081	1		Quảng Ninh	TO	7.30	HO	8.10	SI	8.00	200	B00	23.40	0.75	24.15
799	29029721	VÕ THỊ VÂN	02/04/2004	Nữ	040304018255	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.50	SI	8.60	200	B00	24.90	0.50	25.40
800	29027838	BÙI THỊ VUI	26/04/2003	Nữ	040303025871	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	8.80	SI	9.10	200	B00	26.50	0.75	27.25
801	29010428	BÙI NGUYỄN THẢO VY	20/02/2004	Nữ	092304002995	3		Nghệ An	TO	7.80	HO	9.30	SI	7.80	200	B00	24.90	0.00	24.90
802	29012601	LƯƠNG THỊ HỒNG VY	01/08/2004	Nữ	040304013445	1	01	Nghệ An	TO	7.20	HO	7.20	SI	7.10	200	B00	21.50	2.75	24.25
803	30004162	ĐẶNG BÙI NHƯ XUÂN	26/03/2004	Nữ	042304007580	2NT		Hà Tĩnh	TO	8.60	HO	6.00	SI	7.25	100	B00	21.85	0.50	22.35
804	29012082	LA THỊ HẢI YẾN	14/10/2004	Nữ	040304028313	1	01	Nghệ An	TO	7.00	HO	8.20	SI	8.30	200	B00	23.50	2.75	26.25
805	29009071	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	15/03/2004	Nữ	040304027763	2NT		Nghệ An	TO	8.70	HO	8.00	SI	7.90	200	B00	24.60	0.50	25.10
V. NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC (61 thí sinh)																			
806	29003637	NGUYỄN HUY AN	14/04/2004	Nam	040204002429	2		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.00	SI	6.50	100	B00	22.30	0.25	22.55
807	28026431	CHU THỊ NGỌC ANH	25/03/2004	Nữ	038304029015	2NT		Thanh Hoá	TO	7.40	HO	8.25	SI	6.00	100	B00	21.65	0.50	22.15
808	29027177	LÊ THỊ VÂN ANH	10/03/2004	Nữ	040304026468	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	22.80	0.50	23.30
809	29034828	NGUYỄN KIỀU ANH	07/10/2004	Nữ	040304002308	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.00	SI	7.50	100	B00	22.50	0.25	22.75
810	29001853	NGUYỄN QUANG ANH	06/07/2004	Nam	040204016381	2		Nghệ An	TO	8.20	HO	6.25	SI	6.00	100	B00	20.45	0.25	20.70
811	29002837	LƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	05/12/1999	Nữ	187814383	1		Nghệ An	TO	6.20	HO	8.00	SI	7.25	100	B00	21.45	0.75	22.20
812	29000062	NGUYỄN KHẮC ANH TUẤN	25/10/2004	Nam	040204001806	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	9.00	SI	8.10	200	B00	25.50	0.25	25.75
813	29019742	NGUYỄN PHÚC SƠN CHI	01/03/2004	Nữ	040304026000	2NT		Nghệ An	TO	9.80	HO	9.40	SI	9.10	200	B00	28.30	0.50	28.80
814	28033520	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	14/02/2004	Nam	038204012739	2		Thanh Hoá	TO	7.80	HO	8.00	SI	8.00	100	B00	23.80	0.25	24.05
815	30007008	NGUYỄN VĂN MINH ĐỨC	05/09/2004	Nam	042204010289	2NT		Hà Tĩnh	TO	6.60	HO	7.75	SI	7.00	100	B00	21.35	0.50	21.85
816	29004284	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	30/04/2004	Nữ	040304022167	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	8.25	SI	7.75	100	B00	23.80	0.75	24.55
817	28001008	LÊ THỊ HẠNH	03/10/2003	Nữ	038303012174	2		Thanh Hoá	TO	7.40	HO	8.25	SI	7.50	100	B00	23.15	0.25	23.40
818	29023239	TRẦN THỊ HẬU	16/09/2004	Nữ	040304022680	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	7.25	SI	6.50	100	B00	21.15	0.50	21.65
819	29013370	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	05/12/2004	Nữ	040304007425	1		Nghệ An	TO	9.00	HO	8.90	SI	8.30	200	B00	26.20	0.75	26.95
820	18014925	ĐOÀN TRUNG HIẾU	02/06/2004	Nam	024204009561	2NT		Bắc Giang	TO	7.80	HO	6.75	SI	7.25	100	B00	21.80	0.50	22.30
821	29033008	LÊ THỊ HỒNG	29/05/2004	Nữ	038304025866	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.25	SI	6.50	100	B00	21.75	0.50	22.25
822	29015957	TRẦN THỊ HỒNG	23/08/2004	Nữ	040304013297	1		Nghệ An	TO	7.00	HO	6.75	SI	6.25	100	B00	20.00	0.75	20.75
823	29027417	NGUYỄN TIẾN HỢP	14/01/2003	Nam	040203004749	1		Nghệ An	TO	7.40	HO	8.75	SI	7.25	100	B00	23.40	0.75	24.15
824	29002172	NGUYỄN QUANG HUY	22/03/2004	Nam	040204001129	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.25	SI	6.75	100	B00	22.00	0.25	22.25
825	32000375	HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	23/10/2003	Nữ	038303025532	2NT		Quảng Trị	TO	7.60	HO	7.75	SI	5.75	100	B00	21.10	0.50	21.60
826	40003540	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	26/11/2002	Nữ	066302010738	1		Đắk Lắk	TO	8.40	HO	7.75	SI	5.00	100	B00	21.15	0.75	21.90
827	29008037	NGUYỄN TRẦN KHÁNH HUYỀN	11/12/2004	Nữ	040304027798	1		Thanh Hoá	TO	7.40	HO	7.50	SI	5.50	100	B00	20.40	0.75	21.15
828	29000355	NGUYỄN QUÊ HÙNG	28/06/2004	Nam	040204009400	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	7.00	SI	6.50	100	B00	21.90	0.25	22.15

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển
829	29006808	PHẠM TRUNG KIÊN	14/07/2004	Nam	040204003123	1		Nghệ An	TO	8.50	HO	9.30	SI	8.40	200	B00	26.20	0.75	26.95
830	28014570	BÙI KHÁNH LINH	24/09/2004	Nữ	038304021929	1	01	Thanh Hoá	TO	7.80	HO	5.75	SI	5.25	100	B00	18.80	2.75	21.55
831	21008398	ĐẶNG THỊ NHẬT LINH	09/03/2004	Nữ	030304010161	2NT		Hải Dương	TO	7.40	HO	8.50	SI	6.00	100	B00	21.90	0.50	22.40
832	29023379	NGUYỄN THỊ LINH	02/06/2004	Nữ	040304010968	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.75	SI	6.75	100	B00	23.50	0.50	24.00
833	38006129	PHẠM THẢO LINH	04/05/2004	Nữ	064304010501	1		Gia Lai	TO	7.40	HO	8.25	SI	6.75	100	B00	22.40	0.75	23.15
834	29006840	ĐẶNG THỊ LỘC	13/04/2004	Nữ	040304023315	1		Nghệ An	TO	8.60	HO	9.50	SI	8.60	200	B00	26.70	0.75	27.45
835	29033382	TRẦN SỸ LỰC	24/05/2004	Nam	040204021930	2NT		Nghệ An	TO	7.40	HO	7.25	SI	5.50	100	B00	20.15	0.50	20.65
836	30016499	TRẦN THỊ LƯƠNG	19/01/2004	Nữ	042304002382	1		Hà Tĩnh	TO	7.20	HO	6.75	SI	6.75	100	B00	20.70	0.75	21.45
837	29020055	NGUYỄN THỊ YẾN MY	15/10/2004	Nữ	040304007653	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.25	SI	6.50	100	B00	22.75	0.50	23.25
838	29025738	VÕ THỊ NGÀ	26/03/2003	Nữ	188027775	1		Nghệ An	TO	7.80	HO	7.50	SI	6.75	100	B00	22.05	0.75	22.80
839	29008721	NGUYỄN HOÀNG HÀ NGÂN	23/09/2004	Nữ	040304012263	2NT		Nghệ An	TO	9.30	HO	9.60	SI	9.20	200	B00	28.10	0.50	28.60
840	29003967	TRẦN BẢO NGỌC	17/09/2004	Nữ	187965509	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.25	SI	5.50	100	B00	22.15	0.25	22.40
841	29000557	TRẦN THỊ THẢO NGUYÊN	29/12/2003	Nữ	040303004664	2		Nghệ An	TO	8.40	HO	8.90	SI	8.70	200	B00	26.00	0.25	26.25
842	29022915	HÀ VĂN NHẬT	15/01/2004	Nam	040204004366	1		Nghệ An	TO	8.30	HO	8.20	SI	8.50	200	B00	25.00	0.75	25.75
843	29034215	QUANG NGUYỄN NGỌC NHI	16/09/2004	Nữ	040304021314	1	01	Nghệ An	TO	6.20	HO	6.25	SI	7.25	100	B00	19.70	2.75	22.45
844	30005061	TRẦN YẾN NHI	10/12/2004	Nữ	042304001240	2		Hà Tĩnh	TO	6.80	HO	7.75	SI	6.75	100	B00	21.30	0.25	21.55
845	29033767	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	08/11/2004	Nữ	040304029293	2NT		Nghệ An	TO	8.30	HO	8.30	SI	8.70	200	B00	25.30	0.50	25.80
846	28015741	PHÙNG XUÂN PHONG	30/03/2004	Nam	038204018615	2NT		Thanh Hoá	TO	7.60	HO	7.25	SI	6.50	100	B00	21.35	0.50	21.85
847	27002616	VŨ VIỆT QUANG	26/02/2004	Nam	037204000148	1		Ninh Bình	TO	7.60	HO	7.50	SI	7.50	100	B00	22.60	0.75	23.35
848	29005924	LANG TRÚC QUỲNH	10/07/2003	Nữ	040303002411	1	01	Nghệ An	TO	8.10	HO	8.60	SI	8.50	200	B00	25.20	2.75	27.95
849	29023562	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	16/08/2004	Nữ	040304017276	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	7.50	SI	5.50	100	B00	20.80	0.50	21.30
850	25015164	PHÙNG THỊ NHƯ QUỲNH	08/05/2004	Nữ	036304008159	2NT		Nam Định	TO	8.40	HO	7.75	SI	5.75	100	B00	21.90	0.50	22.40
851	29036656	LÊ VĂN SÁNH	19/02/2003	Nam	040203026806	2		Nghệ An	TO	8.00	HO	8.00	SI	5.75	100	B00	21.75	0.25	22.00
852	28011831	NGUYỄN THỊ TÂM	28/01/2004	Nữ	038304024311	1		Thanh Hoá	TO	9.20	HO	9.20	SI	8.40	200	B00	26.80	0.75	27.55
853	30003487	TRẦN THUẬN TIỀN	19/12/2003	Nam	042203001760	2		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	8.50	SI	5.50	100	B00	21.80	0.25	22.05
854	30004121	VŨ ĐÌNH TUẤN	10/07/2004	Nam	042204005531	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.80	HO	6.75	SI	6.00	100	B00	20.55	0.50	21.05
855	30008002	HỒ THỊ THANH	10/10/2004	Nữ	042304001840	2NT		Hà Tĩnh	TO	7.60	HO	7.25	SI	6.00	100	B00	20.85	0.50	21.35
856	29033513	CAO THỊ NGỌC THÀNH	02/01/2004	Nữ	040304012131	2NT		Nghệ An	TO	7.80	HO	7.25	SI	7.75	100	B00	22.80	0.50	23.30
857	24003402	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	19/01/2004	Nữ	035304001069	2NT		Hà Nam	TO	7.60	HO	7.75	SI	6.00	100	B00	21.35	0.50	21.85
858	29027725	HOÀNG THỊ THUỶ	16/06/2004	Nữ	040304018644	2NT		Nghệ An	TO	8.20	HO	8.25	SI	6.50	100	B00	22.95	0.50	23.45
859	12001787	HOÀNG THỊ THỦY	13/06/2004	Nữ	020304007502	1	01	Lạng Sơn	TO	7.40	HO	7.75	SI	4.75	100	B00	19.90	2.75	22.65
860	29036266	NGUYỄN THỊ THÚY	30/09/2004	Nữ	040304015632	2		Nghệ An	TO	7.40	HO	8.50	SI	7.25	100	B00	23.15	0.25	23.40
861	29010327	ĐẶNG HUYỀN TRANG	05/06/2003	Nữ	040303012814	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	5.50	SI	6.50	100	B00	20.00	0.50	20.50
862	28006267	NGUYỄN BÁ TRƯỜNG	24/06/2004	Nam	038204020885	2		Thanh Hoá	TO	7.20	HO	7.75	SI	5.50	100	B00	20.45	0.25	20.70
863	29009009	NGUYỄN PHI TRƯỜNG	09/12/2004	Nam	040204025245	2NT		Nghệ An	TO	7.60	HO	7.75	SI	6.75	100	B00	22.10	0.50	22.60

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm thi (Thang 30)	Điểm U'T quy đổi	Điểm trúng tuyển
864	26013669	NGUYỄN KHÁNH VÂN	30/08/2004	Nữ	034304002458	2NT		Thái Bình	TO	7.20	HO	7.25	SI	6.00	100	B00	20.45	0.50	20.95
865	29027828	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	13/06/2003	Nam	040203015767	2NT		Nghệ An	TO	8.00	HO	7.75	SI	8.25	100	B00	24.00	0.50	24.50
866	63006463	LÊ HÀ VY	16/04/2004	Nữ	067304000610	1		Đắk Nông	TO	7.60	HO	7.75	SI	6.50	100	B00	21.85	0.75	22.60
VI. NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG (06 thí sinh)																			
867	29033923	HOÀNG LINH CHI	03/08/2004	Nữ	040304019655	1		Nghệ An	TO	7.00	HO	6.30	SI	8.20	200	B00	21.50	0.75	22.25
868	29009224	NGUYỄN THỊ GIANG	01/01/2004	Nữ	040304011134	2NT		Nghệ An	TO	7.20	HO	6.70	SI	7.50	200	B00	21.40	0.50	21.90
869	30007187	BÙI THÙY LINH	23/09/2004	Nữ	040304014322	2NT		Hà Tĩnh	TO	6.80	HO	8.25	SI	4.25	100	B00	19.30	0.50	19.80
870	29021429	CAO THỊ THÙY LINH	15/12/2004	Nữ	040304017158	2NT		Nghệ An	TO	6.70	HO	7.40	SI	8.20	200	B00	22.30	0.50	22.80
871	29001692	NGUYỄN THỊ HÀ THƯƠNG	13/11/2004	Nữ	040304003410	2		Nghệ An	TO	7.00	HO	4.00	SI	4.25	100	B00	15.25	0.25	15.50
872	29030264	NGUYỄN THÀNH VINH	13/12/2004	Nam	040204001957	2NT		Nghệ An	TO	7.00	HO	6.50	SI	4.50	100	B00	18.00	0.50	18.50

Danh sách gồm 872 thí sinh

Vinh, ngày tháng 09 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y KHOA
VINH
Nguyễn Văn Tuấn

DANH SÁCH HỌC SINH

đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, được tiếp nhận đào tạo tại Trường ĐHYK Vinh từ năm học 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 910 /QĐ-ĐHYKV ngày 16/09/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHYK Vinh)

STT	Số CMND/ CCCD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	SDT	TB Toán	TB Hóa	TB Sinh	TBCM theo THXT	XLRL	Mã ngành	Tên ngành	Nơi sinh	Được chuyển đến từ trường
1	'040498690	Lò Phương	Thảo	Nữ	21/02/2003	Thái	0376205074	8.0	8.9	8.4	8.4	Tốt	7720101	Y khoa	Mường Phăng, Điện Biên	DBĐHDTTW
2	'061139946	Nông Vũ	Hoàng	Nam	01/03/2003	Tày	0787128243	7.5	7.5	7.7	7.6	Tốt	7720101	Y khoa	Lục Yên, Yên Bái	DBĐHDTTW
3	040303000716	Hồ Y	Vân	Nữ	06/03/2003	H'Mông	0346104877	7.3	8.5	7.1	7.6	Tốt	7720101	Y khoa	Kỳ Sơn, Nghệ An	DBĐHDSS
4	187667823	Vi La	Vy	Nữ	08/11/2003	Đan Lai	0989609085	7.2	7.1	7.1	7.1	Tốt	7720101	Y khoa	Con Cuông, Nghệ An	DBĐHDSS
5	038203013141	Phạm Đức	Nhất	Nam	02/04/2003	Mường	0966325709	6.4	8.3	6.7	7.1	Tốt	7720101	Y khoa	Ngọc Lặc, Thanh Hóa	DBĐHDSS
6	040303000731	Cụt Thị	Ngọc	Nữ	15/03/2003	Khơ Mú	0359377969	7.4	6.8	6.4	6.9	Tốt	7720101	Y khoa	Kỳ Sơn, Nghệ An	DBĐHDSS
7	04030300726	Cự Y	Hạnh	Nữ	23/06/2003	H'Mông	'0949521435	7.0	7.0	6.5	6.8	Tốt	7720101	Y khoa	Kỳ Sơn, Nghệ An	DBĐHDSS
8	038203020389	Thao Minh	Cường	Nam	25/01/2003	H'Mông	0362839346	7.1	7.1	6.3	6.8	Tốt	7720101	Y khoa	Mường Lát, Thanh Hóa	DBĐHDSS
9	187834001	Muồng Thủy	An	Nữ	20/04/2003	Thái	0976219974	6.9	5.5	7.2	6.5	Tốt	7720101	Y khoa	Quỳ Châu, Nghệ An	DBĐHDSS
10	188039882	Vy Thị Uyên	Khuyên	Nữ	24/11/2003	Thái	0849713763	6.4	6.1	7.1	6.5	Tốt	7720101	Y khoa	Tương Dương, Nghệ An	DBĐHDSS
11	040203025531	Vừ Bá	Thái	Nam	29/05/2003	H'Mông	0943480433	6.8	5.6	6.3	6.2	Tốt	7720101	Y khoa	Kỳ Sơn, Nghệ An	DBĐHDSS

Tổng số 11 thí sinh

Vinh, ngày tháng 09 năm 2022

KY HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y KHOA
VINH
Nguyễn Văn Tuấn